



# BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

**SỐ 17/2021**  
Từ 26/4 - 30/4/2021

**TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**TIN TRUNG ƯƠNG**

## CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

\*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA  
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ  
PHÓ TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO  
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG  
VỤ TRƯỞNG  
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
BỘ NỘI VỤ  
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO  
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
CỦA CHÍNH PHỦ

## BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

\*

TRUNG TÂM THÔNG TIN  
BỘ NỘI VỤ

## ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT  
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI  
024.62821016

EMAIL  
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE  
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

## CHỦ TỊCH QUỐC HỘI: TẬP TRUNG RÀ SOÁT PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ, KINH DOANH

Ngày 26/4, tại Nhà Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ đã chủ trì buổi làm việc với Thường trực Ủy ban về các vấn đề Xã hội; Thường trực Ủy ban Pháp luật của Quốc hội.



Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ phát biểu. Ảnh: TTXVN

Tại cuộc họp với Ủy ban về các vấn đề Xã hội, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ cho rằng các lĩnh vực phụ trách của Ủy ban có tính gắn bó với nhau và lan tỏa nhanh. Khẳng định quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội..., Chủ tịch Quốc hội đề nghị Ủy ban không chỉ quan tâm đến các vấn đề xã hội thuộc lĩnh vực phụ trách mà còn phải hết sức quan tâm đến khía cạnh xã hội trong các vấn đề kinh tế và tinh kinh tế trong các vấn đề xã hội.

Cùng với đó, Ủy ban chủ động rà soát khuôn khổ pháp lý về tổ chức, hoạt động của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất; chủ động xây dựng đề án tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ủy ban trên tất cả các mặt công tác lập pháp, giám sát và tham gia quyết định các vấn đề quan trọng của quốc gia...

\*Chiều cùng ngày, làm việc với Thường trực Ủy ban Pháp luật, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ nhấn mạnh về sự cần thiết có chiến lược định hướng dài hạn trong việc xây dựng pháp luật nói chung để bảo đảm tính chủ động, vai trò dẫn dắt của Quốc hội trong hoạt động lập pháp, cũng như bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật. Trong đó, Chủ tịch Quốc hội nhất trí với các đề xuất về việc siết chặt kỷ luật, kỷ cương xây dựng pháp luật, chỉ đưa vào chương trình xem xét những dự án luật, pháp lệnh đủ điều kiện.

Về Đề án rà soát pháp luật hiện hành, phát hiện chồng chéo mâu thuẫn, kiến nghị giải pháp khắc phục, trước mắt, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ đề nghị Ủy ban Pháp luật rà soát pháp luật hiện hành tập trung vào lĩnh vực đầu tư, kinh doanh; phối hợp cùng Ủy ban Kinh tế, Ủy ban Tài chính và Ngân sách của Quốc hội để cùng Chính phủ xem xét, điều chỉnh một số luật nếu thấy cần thiết.

Chủ tịch Quốc hội bày tỏ mong muốn, Ủy ban Pháp luật cũng như các cơ quan của Quốc hội sẽ giúp Quốc hội tăng cường quan hệ với các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước, vì theo quy định thì một trong những yếu tố đo lường chất lượng hoạt động của Quốc hội là công tác phối hợp giữa Quốc hội với các cơ quan.

\* Chiều ngày 28/4, tại Nhà Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ làm việc với Thường trực Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội.

Phát biểu tại cuộc làm việc, Chủ tịch Quốc hội cho biết, hiện nay, Đảng đoàn Quốc hội đang triển khai xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Tại Kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIV cũng đã thông qua Nghị quyết về tổng kết công tác nhiệm kỳ của các cơ quan Nhà nước, trong đó xác định 8 nhóm nội dung trọng tâm mà Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội cần tập trung nghiên cứu, triển khai thực hiện nhằm tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Quốc hội.

Thành tựu Quốc hội đã đạt được trong 75 năm qua và nhất là trong nhiệm kỳ khóa XIV là rất lớn. Tuy nhiên, qua các cuộc làm việc với Thường trực các cơ quan của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội cho rằng, vẫn còn dư địa để tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội như: Tiếp tục cải tiến cách thức tiến hành kỳ họp, nâng cao chất lượng tổng hợp các phiên thảo luận tại tổ để tập trung thảo luận, tranh luận những vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

Về công tác lập pháp, Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội cần chủ động hơn, phát huy vai trò dẫn dắt, tăng cường sáng kiến lập pháp, có cơ chế hỗ trợ tối đa để các đại biểu, các cơ quan của Quốc hội thực hiện được sáng kiến lập pháp; khắc phục tình trạng bị động, chờ đợi các cơ quan trình vì điều này sẽ làm tăng nguy cơ phá vỡ sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật. Chủ tịch Quốc hội cũng lưu ý, việc Quốc hội quyết định chương trình lập pháp hằng năm không mâu thuẫn gì với việc có định hướng, chiến lược xây dựng pháp luật trong trung hạn và dài hạn (5 - 10 năm) để trên cơ sở đó xác định các ưu tiên lập pháp trong từng năm.

Chủ tịch Quốc hội nhất trí với đề xuất của Ủy ban về lựa chọn các chuyên đề giám sát phù hợp, có trọng tâm, khả thi, có chiều sâu, tránh dàn trải, chồng chéo; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan của Quốc hội...; tăng cường giám sát văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn

thi hành luật; tăng cường các hoạt động giải trình ở Hội đồng Dân tộc, các ủy ban; tăng cường hậu giám sát, tập trung giám sát thông báo kết luận của đoàn giám sát đã triển khai trước đó...

Chủ tịch Quốc hội ghi nhận và cơ bản tán thành các đề xuất của Thường trực Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường về cải tiến, đổi mới phương thức hoạt động của Quốc hội cũng như của Ủy ban. Trong đó, việc Ủy ban đề nghị được chủ động thí điểm chuyển đổi số trong một số hoạt động là rất tốt. Nghị quyết số 52/NQ-TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng đã nêu mục tiêu đến năm 2025 cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội.

Chủ tịch Quốc hội mong muốn, qua việc thí điểm chuyển đổi số, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường sẽ tư vấn, tham mưu cho Quốc hội trong việc xây dựng Quốc hội điện tử. Cùng với đó, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ cũng đề nghị trong kỳ họp Quốc hội, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường có thể xây dựng một số báo cáo chuyên đề về chuyển đổi số, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn..., từ đó cung cấp thông tin, góp phần tăng cường năng lực cho đại biểu Quốc hội về các lĩnh vực này.

*Nguồn: ttxvn*

## CHỦ TỊCH NƯỚC: QUYẾT TÂM CAO, DÁM NGHĨ, DÁM LÀM TRONG ĐÀO TẠO CÁN BỘ PHÁP LUẬT

Chiều ngày 28/4, tại Phủ Chủ tịch, Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, Trưởng ban Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương chủ trì cuộc họp đánh giá kết quả thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Đề án tổng thể “Xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật” và Đề án “Xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo các chức danh tư pháp”.

Phát biểu tại cuộc họp, Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc nhấn mạnh các đơn vị công lập, trong đó có bệnh viện, trường học công đóng vai trò hết sức quan trọng trong phát triển đất nước. Chủ tịch nước đánh giá cao trường, học viện đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện Đề án theo các Quyết định của Thủ tướng thời gian qua. Quy mô và chất lượng đào tạo được nâng lên, trở thành những đơn vị đào tạo có thương hiệu trong nước. Đội ngũ lãnh đạo, cán bộ giảng dạy có chất lượng cao, có khát vọng, tâm huyết thực hiện các mục tiêu của các đề án, đóng góp phát triển nguồn nhân lực cho đất nước để xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Tuy vậy, trong quá trình thực hiện các Đề án vẫn có những tồn tại, nên cần quyết tâm, sáng tạo, dám nghĩ dám làm hơn nữa; đề xuất các giải pháp khắc phục các khó khăn liên quan đến cơ sở vật chất, học phí. Dù chất lượng đào tạo được nâng lên nhưng cần tiếp tục nâng cao

hơn nữa để nhân lực đào tạo ra đủ sức đáp ứng yêu cầu thực tiễn, nhất là trong bối cảnh nước ta hội nhập sâu rộng, nhiều vụ kiện, tranh chấp quốc tế xảy ra. Cùng với đó là quan tâm đến quy mô đào tạo.

Chủ tịch nước khẳng định tinh thần: Nhà nước luôn quan tâm hỗ trợ các đơn vị, trong đó yêu cầu các địa phương quan tâm đến vấn đề mặt bằng, nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ và mục tiêu đề ra. Chủ tịch nước cũng nhấn mạnh, muốn vươn lên trở thành những đơn vị trọng điểm của đất nước trong đào tạo cán bộ pháp luật và chức danh tư pháp, các trường phải nỗ lực với quyết tâm cao hơn nữa, dám nghĩ, dám làm, chủ động đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp cần thiết.

Theo báo cáo của Bộ Tư pháp tại cuộc họp, sau hơn 7 năm thực hiện Quyết định số 549-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ, Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh đã không ngừng được mở rộng quy mô, đào tạo cả thạc sĩ, tiến sĩ. Đến nay, Trường Đại học Luật Hà Nội có trên 15.000 sinh viên, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 12.500 sinh viên. Hai trường đã mở các ngành đào tạo mới, rà soát, chỉnh lý hoặc ban hành mới các chương trình đào tạo đang áp dụng. Dù số lượng giảng viên của hai Trường chưa đạt 1.400 giảng viên như yêu cầu nhưng số lượng giảng viên có thể giảng dạy bằng ngoại ngữ tăng.

Về việc thực hiện Quyết định số 2083-QĐ/TTg năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo các chức danh tư pháp”, tính đến cuối năm 2021, quy mô đào tạo các chức danh tư pháp cơ bản đáp ứng nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng của bộ, ngành tư pháp và nhu cầu xã hội, cơ bản hoàn thành chỉ tiêu được giao trong Đề án. Đặc biệt, đào tạo nghề công chứng vượt xa chỉ tiêu được giao cao gấp 3,2 lần mục tiêu đề ra. Quy mô bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp cho một số chức danh tư pháp đạt khoảng 71% chỉ tiêu được giao. Quy mô bồi dưỡng chuyên sâu trong lĩnh vực tư pháp và pháp luật theo mục tiêu phục vụ hội nhập quốc tế, bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ cán bộ làm công tác pháp luật tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ đạt khoảng 39%.

Tại cuộc họp, lãnh đạo một số bộ, ngành và các trường, học viện nêu một số đề xuất về cơ sở vật chất, nguồn lực đầu tư và kiến nghị tiếp tục thực hiện các đề án theo các Quyết định trên của Thủ tướng Chính phủ. Lãnh đạo các cơ sở đào tạo pháp lý quan trọng này cũng mong muốn Nhà nước đặt hàng phản biện pháp luật và góp ý vào việc xây dựng chính sách.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: CẦN ĐỔI MỚI MẠNH MẼ TƯ DUY, TẠO ĐỘT PHÁ THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THỜI GIAN TỚI

Ngày 28/4, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã có buổi làm việc với lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình triển khai nhiệm vụ được giao và một số nhiệm vụ trọng tâm để tạo đột phá trong phát triển kinh tế đất nước thời gian tới.

Tại cuộc họp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình, kết quả triển khai thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới, đặc biệt là công tác tham mưu tổng hợp, xây dựng chiến lược, quy hoạch kế hoạch và các cơ chế, chính sách điều hành phát triển kinh tế - xã hội; cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng; huy động và sử dụng nguồn lực; phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng công tác thống kê, thông tin, báo cáo, phân tích, dự báo; đồng thời, nêu rõ một số khó khăn, vướng mắc, những vấn đề cần quan tâm giải quyết và đề xuất, kiến nghị một số nhiệm vụ, giải pháp cụ thể.

Theo yêu cầu và tinh thần gợi ý của Thủ tướng Chính phủ, cuộc họp đã tập trung bàn kỹ, thảo luận sâu về những thành tựu, kết quả đạt được, hạn chế, bất cập và nguyên nhân; bài học kinh nghiệm rút ra và những nhiệm vụ trọng tâm cần ưu tiên giải quyết trong năm 2021 - 2022 để tạo động lực mới, khơi dậy, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khơi thông các nguồn lực phát triển, nỗ lực phấn đấu đạt được mục tiêu đề ra đến năm 2025, năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

### **Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp**

Bộ trưởng Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng cho biết Bộ đang xây dựng Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, trình Chính phủ trong tháng 5/2021 và các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025 để báo cáo Chính phủ, trình Quốc hội theo quy định.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục nghiên cứu, xây dựng đề xuất các chính sách, giải pháp hỗ trợ bổ sung cho các đối tượng còn gặp khó khăn bởi dịch COVID-19 và các giải pháp để tận dụng tối đa cơ hội, phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, trình Chính phủ trong tháng 5/2021. Tập trung xây dựng quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, tập trung đầu tư vào vùng trọng điểm và các cực tăng trưởng, tránh phân tán và sử dụng nguồn lực kém hiệu quả giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng. Tập trung phát triển trung tâm tài chính tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng để tranh thủ các dòng dịch chuyển vốn đầu tư sau đại dịch COVID-19, tạo động lực tăng trưởng mới cho đất nước.

Bộ đang xây dựng Đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng trung tâm kinh tế biển mạnh định hướng đến năm 2030, dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ vào tháng 12/2021. Xây dựng Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025, sẽ trình Chính phủ trong tháng 5/2021; Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 6/2021.

Bộ cũng xây dựng Nghị quyết của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2025. Tổng kết 10 năm triển khai thi hành Luật Hợp tác xã, báo cáo trong năm 2021. Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế thí điểm cho đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp khởi nghiệp, chính sách khuyến khích doanh nghiệp quan tâm đến đổi mới sáng tạo, xây dựng Quỹ đầu tư mạo hiểm để hỗ trợ đổi mới sáng tạo.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo (NIC) để hỗ trợ chuyển giao công nghệ, kết nối tài năng, thúc đẩy khởi nghiệp, trọng tâm là xây dựng và đưa vào hoạt động Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm ở 3 thành phố lớn là Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

### **Đổi mới tư duy, kiến tạo phát triển, tạo đột phá, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội**

Phát biểu kết luận buổi làm việc, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đánh giá cao và cơ bản đồng ý nội dung báo cáo, kiến nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và ý kiến của các đại biểu dự họp; ghi nhận và biểu dương các thành tích mà Bộ Kế hoạch và Đầu tư và ngành Kế hoạch và Đầu tư đã đạt được, góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của đất nước.

Để có được thành tích này, theo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã bám sát đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và trực tiếp là của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; kế thừa, phát huy truyền thống vẻ vang 75 năm của ngành Kế hoạch và Đầu tư và nhờ sự giúp đỡ, hỗ trợ, phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ngành, cơ quan, địa phương; đặc biệt là sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của tập thể lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và toàn ngành Kế hoạch và Đầu tư trên cả nước.

Thủ tướng Chính phủ cơ bản đồng ý những vấn đề cần quan tâm giải quyết và đề xuất, kiến nghị một số nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các đại biểu dự họp; giao Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tập trung chỉ đạo, xử lý, giải quyết từng vấn đề theo lộ trình cụ thể gắn với trách nhiệm của các Bộ, cơ quan, địa phương, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện theo tinh thần “báo cáo đã giải quyết được việc gì, chưa giải quyết được việc gì, việc gì còn khó khăn, ai phải giải quyết”.

Gợi mở một số định hướng mang tính tư duy, phương pháp luận, cách tiếp cận, giải quyết vấn đề của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nêu rõ tinh thần chung là phải phát huy thành tích đã đạt được để làm tốt hơn chức năng, nhiệm vụ cho năm 2021 và những năm tiếp theo; trước mắt, thực hiện thật tốt Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 45/NQ-CP của Chính phủ về triển khai công việc của Chính phủ sau khi được kiện toàn.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư phải đoàn kết, thống nhất cao với tinh thần tự lực, tự cường, đi lên từ bàn tay, khối óc của mình, không trông chờ, không ỷ lại, né tránh; biến không thành có,

biên khó thành dễ, biên cái không thể thành có thể, biên cái không quan trọng trở thành quan trọng mới là quan trọng.

Là cơ quan tham mưu chiến lược, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần quán triệt tư tưởng chỉ đạo lấy nguồn lực bên trong là cơ bản, là chiến lược lâu dài, mang tính quyết định. Thủ tướng Chính phủ cho biết, một trong những nguồn lực bên trong rất quan trọng là giá trị con người Việt Nam, “cơ chế, chính sách, đường lối, tổ chức, vận hành tốt hay xấu đều do yếu tố con người quyết định”. Cần đặc biệt tập trung phát huy giá trị con người Việt Nam. Chú trọng hơn việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ thiên nhiên như đất đai, tài nguyên, rừng, biển, không khí, môi trường... phục vụ cho phát triển đất nước. Đặc biệt, cần đưa truyền thống văn hóa, lịch sử, truyền thống đoàn kết thống nhất của dân tộc ta thành nguồn lực phát triển. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần tập trung tham mưu các cơ chế, chính sách để khai thác các nguồn lực này.

Về mối quan hệ giữa nguồn lực bên trong và bên ngoài, Thủ tướng nhấn mạnh: Nội lực là cơ bản, chiến lược lâu dài, là quyết định; ngoại lực là quan trọng, cần thiết, thường xuyên, đột phá, trong đó có các yếu tố như vốn, khoa học công nghệ, trình độ, kinh nghiệm quản lý, thị trường... Khi thiết kế các cơ chế chính sách, cần quán triệt thông suốt quan điểm phân cấp, phân quyền và cá thể hóa trách nhiệm cá nhân, trước mắt cần khẩn trương nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn, tiêu chí, điều kiện cho phát triển các khu công nghiệp và thiết kế công cụ kiểm tra, giám sát chặt chẽ, hiệu quả và giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định và chịu trách nhiệm.

Để làm tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần coi trọng hơn nữa công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng và mỗi đảng viên. Đẩy mạnh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, quan liêu, siết chặt kỷ luật, kỷ cương; đồng thời, tạo môi trường làm việc thuận lợi, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo vệ những người dám nghĩ, biết làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Tiếp tục xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương, Kết luận số 74-KL/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tinh thần là một việc chỉ giao cho một người và một người làm nhiều việc. Xây dựng, cơ cấu lại tổ chức bộ máy, cán bộ theo hướng tăng cường cho thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, huy động nguồn lực, tạo cơ hội cho người dân và doanh nghiệp phát triển, giảm các bộ phận liên quan đến nhiệm vụ phân bổ nguồn lực, phân chia ngân sách, đầu tư công (khẩn trương cơ cấu lại vấn đề này). Đồng thời, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ trong sạch, vững mạnh, đoàn kết, thống nhất, trung thành, trung thực, trong sáng, gương mẫu, tinh thông nghiệp vụ, chuyên nghiệp.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và ưu tiên nguồn lực cho công tác quản lý nhà nước. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phải có tầm nhìn, khả thi. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và thiết kế công cụ quản lý, kiểm tra, kiểm soát nguồn lực.

Tập trung mạnh mẽ xây dựng thể chế, trong đó rà soát, tháo gỡ vướng mắc, chồng chéo về cơ chế, chính sách. Xây dựng chính sách ưu đãi, khuyến khích lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp một cách khoa học, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, công hiến cao nhất cho đất nước, vì lợi ích quốc gia, dân tộc.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần tập trung nghiên cứu, tham mưu sử dụng nguồn lực đầu tư của Nhà nước có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả; tập trung cho các khâu đột phá chiến lược trên tinh thần lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư. Tập trung cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa các lĩnh vực, trong đó có công nghiệp dịch vụ, công nghiệp giải trí, công nghiệp văn hóa dựa trên nền tảng của công nghiệp sáng tạo và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Tiếp tục đổi mới tư duy kinh tế; đổi mới tư duy sáng tạo dựa trên thực tiễn của đất nước, dự báo chiến lược, xóa bỏ tư duy quan liêu bao cấp, xin-cho, dựa dẫm. Phát triển nền kinh tế đa thành phần một cách bình đẳng; hội nhập sâu rộng nhưng có lộ trình, hiệu quả, bảo đảm độc lập, tự chủ, hòa bình, ổn định, an ninh, công bằng và tiến bộ xã hội.

Đồng thời, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phải nắm chắc tình hình và yêu cầu thực tiễn; linh hoạt, sáng tạo trong quản lý, điều hành, bảo đảm hiệu quả, kịp thời. Công tác thống kê phải chính xác, trung thực và kịp thời, có phân tích, đánh giá để đề xuất giải pháp phù hợp, hiệu quả. Là cơ quan tham mưu chiến lược của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần chú ý lắng nghe, cầu thị, khiêm tốn, học hỏi những góp ý xây dựng, trách nhiệm, tâm huyết, nhất là các ý kiến phát biểu để đi đến thống nhất, có chiều sâu, sát thực tế, hiệu quả trong thực hiện, nhất là việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Chia sẻ với các khó khăn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh tinh thần giải quyết khó khăn cho địa phương, người dân và doanh nghiệp là không nói không, không nói khó và không nói có mà không làm (3 không). “Các Bộ, ngành, địa phương khó khăn thì mới cần đến Chính phủ, Thường trực Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để giải quyết”, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh.

Tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng khẳng định, sẽ tổ chức quán triệt, thực hiện trong toàn Bộ để hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra, trong đó, tập trung vào công tác lập quy hoạch, kế hoạch, thể chế, cơ chế chính sách, huy động nguồn lực, tăng cường kiểm tra giám sát. Bộ sẽ tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, đổi mới, cải cách, xứng đáng là cơ quan tham mưu quan trọng của Đảng, Nhà nước, Chính phủ.

*Nguồn: baochinhpvu.vn*



## PHÓ THỦ TƯỚNG THƯỜNG TRỰC CHÍNH PHỦ: THIẾT LẬP CÔNG THAM VẤN ĐIỆN TỬ ĐỂ GỖ BỎ RÀO CẢN KINH DOANH

Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình vừa có chỉ đạo về việc thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, đổi mới thực hiện cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông" trong giải quyết thủ tục hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm, có hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ.

Cụ thể, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Bảo hiểm Xã hội Việt Nam chủ động thống kê, cập nhật toàn bộ các quy định, chi phí tuân thủ liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ, cơ quan, cập nhật đầy đủ, chính xác vào phần mềm thống kê, rà soát các quy định tại địa chỉ <https://nq68.baocaochinhphu.gov.vn>, bảo đảm tiến độ được giao.

Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan thiết lập Cổng tham vấn điện tử để hỗ trợ việc lấy ý kiến các tổ chức, hiệp hội doanh nghiệp về quy định không còn phù hợp, là rào cản, gây khó khăn đối với hoạt động kinh doanh và phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định; kiên quyết trả lại các bộ, cơ quan nếu phương án cắt giảm, đơn giản hóa không đạt được chỉ tiêu được giao...

*Nguồn: hanoimoi.com.vn*

## BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ: TỔ CHỨC HỢP LÝ BỘ ĐA NGÀNH ĐỂ TINH GỌN BỘ MÁY

Một trong những giải pháp tinh gọn bộ máy là đẩy mạnh đổi mới trên cơ sở tổ chức hợp lý các bộ đa ngành, đa lĩnh vực, khắc phục triệt để những chồng chéo, giao thoa.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định: “Xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch. Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả”.

Để thực hiện thành công nhiệm vụ trọng tâm này, theo Bộ trưởng Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà, đòi hỏi ngành Nội vụ chủ động tham mưu những giải pháp tiếp tục xây dựng bộ

máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ Nhân dân. Trong đó cần thực hiện 5 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm và cơ bản.

### **Khắc phục triệt để những chông chéo, giao thoa**

Nhóm giải pháp thứ nhất: Tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả.

Bộ sẽ khẩn trương trình Chính phủ ban hành và tổ chức thực hiện chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 theo hướng toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả, từng bước hiện đại đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; lấy người dân làm trung tâm, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính Nhà nước.

Nhóm nhiệm vụ thứ hai: Đẩy mạnh đổi mới bộ máy Chính phủ tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở tổ chức hợp lý các bộ đa ngành, đa lĩnh vực, khắc phục triệt để những chông chéo, giao thoa về chức năng, nhiệm vụ giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ; đảm bảo nguyên tắc một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính.

Phát huy đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ là cơ quan hành chính Nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, cơ quan chấp hành của Quốc hội. Chính phủ tập trung vào xây dựng thể chế kiến tạo phát triển, quản trị quốc gia và tổ chức thi hành pháp luật theo tinh thần thượng tôn pháp luật.

Chính phủ có đủ năng lực, đủ khả năng giải trình; tạo ra tầm nhìn tốt và chính sách tốt; sự tương tác thân thiện với xã hội, người dân, với thị trường và doanh nghiệp; tạo ra và chia sẻ sự phát triển...

Cùng với đó, triển khai mạnh mẽ việc xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số nhằm ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ để đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng lực quản lý, điều hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả của cơ quan hành chính các cấp. Từ đó tạo động lực thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia một cách toàn diện để phát triển nền kinh tế số, xã hội số. Trong đó, Công dịch vụ công quốc gia phải là điểm khởi đầu quan trọng nhất của chương trình cải cách hành chính nhà nước.

Nhóm giải pháp thứ ba: Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm giữa Chính phủ với các Bộ, ngành và giữa Chính phủ, các Bộ, ngành với chính quyền địa phương; khắc phục tình trạng chông chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

Phân định rõ trách nhiệm tập thể và trách nhiệm cá nhân, bảo đảm quản lý Nhà nước thống nhất, thông suốt và hiệu quả; phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng đơn vị và từng cá nhân người đứng đầu bộ, ngành, địa phương và đơn vị...

### **Nghiên cứu thí điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh**

Nhóm nhiệm vụ thứ tư: Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và nghiên cứu thí điểm tổ chức ở cấp tỉnh phù hợp với quan điểm chỉ đạo của Đảng là “khuyến khích sáp nhập, tăng quy mô các đơn vị hành chính các cấp ở những nơi có đủ điều kiện để nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tăng cường các nguồn lực của địa phương” và quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp.

Chính quyền các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần chủ động phối hợp với Trung ương tổng kết việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021 và đề xuất nội dung xây dựng kế hoạch, lộ trình sắp xếp đơn vị hành chính các cấp trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030 để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định...

Đẩy mạnh việc chuyển giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Phát triển thị trường dịch vụ sự nghiệp công và thu hút mạnh mẽ các loại hình kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ công; rà soát, chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần.

Nhóm giải pháp thứ năm: Tập trung đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, có cơ chế khuyến khích, khơi dậy tinh thần cống hiến vì đất nước, tạo động lực và áp lực để mọi cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao, tận tụy phục vụ Nhân dân; có cơ chế bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Bộ trưởng Bộ Nội vụ cũng lưu ý, trong giai đoạn tới, thúc đẩy những cải cách cần thiết để có được đội ngũ công chức, viên chức chuyên nghiệp, trách nhiệm, tâm huyết và tài năng hơn.

"Tất cả phải bắt đầu từ cơ chế, nhất là cơ chế, chính sách tuyển chọn đầu vào cán bộ, công chức, viên chức; cơ chế lựa chọn, thu hút, trọng dụng nhân tài; cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung", Bộ trưởng nhấn mạnh.

*Nguồn: vietnamnet.vn*

## **NGÀNH THUẾ: CHỦ ĐỘNG, KIẾN TẠO TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ**

Với định hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, ngành Thuế dần chủ động, kiến tạo và đi đầu trong việc chuyển đổi số thông qua xây dựng hệ thống quản lý thuế tích hợp và môi trường làm việc tích hợp.

### **Triển khai đồng bộ các giải pháp hạ tầng kỹ thuật**

Theo Cục Công nghệ Thông tin - Tổng cục Thuế, trong những năm qua, ngành Thuế đã triển khai hạ tầng kỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng công nghệ thông tin của Chính phủ, Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế. Đồng thời, chuyển đổi hệ thống từ kiến trúc xử

lý phân tán tại địa phương thành kiến trúc xử lý tập trung tại Tổng cục Thuế; triển khai các giải pháp công nghệ quản lý hạ tầng tiên tiến, hiện đại nhằm tăng sự linh hoạt, giảm thời gian triển khai hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả sử dụng, chia sẻ tài nguyên hệ thống và giảm kinh phí đầu tư hạ tầng;... tạo tiền đề triển khai các giải pháp, công nghệ ứng dụng cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số.

Xét theo hướng khách quan, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin ngành Thuế đã có những nâng cấp lớn, đảm bảo các chuẩn quy định chung của ngành Tài chính, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao về khai thác và sử dụng hệ thống công nghệ thông tin.

Đơn cử, ngành Thuế đã triển khai hệ thống mạng Intranet với tốc độ cao kết nối giữa trung tâm miền Bắc và miền Nam, kết nối từ cục thuế đến trung tâm tỉnh và đến trung tâm miền. Hạ tầng truyền thông kết nối các chi cục thuế với trung tâm tỉnh theo Dự án Hạ tầng truyền thông ngành Tài chính đảm bảo đáp ứng yêu cầu truyền nhận dữ liệu để triển khai ứng dụng quản lý thuế xử lý tập trung, khai nộp thuế điện tử, hoàn thuế.

Về hạ tầng trung tâm dữ liệu, bước đầu tiên trong quá trình hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu chuyển đổi chiến lược từ xử lý phân tán về xử lý tập trung tại Tổng cục Thuế là triển khai hệ thống hạ tầng kỹ thuật Trung tâm dữ liệu ngành Thuế năm 2010.

Trong những năm qua Tổng cục Thuế đã đầu tư trang bị thiết bị đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý thuế. Hệ thống máy chủ xử lý tập trung của ngành Thuế được quy hoạch chi tiết, rõ ràng theo chức năng như: chức năng dịch vụ quản lý dữ liệu, chức năng ứng dụng, chức năng trao đổi dữ liệu với cấp dưới và đơn vị ngoài, chức năng cung cấp dịch vụ mail exchange, kết nối dịch vụ Internet... Hạ tầng máy chủ liên tục được cập nhật các công nghệ mới như triển khai các hệ thống điện toán đám mây, ảo hóa đa số hạ tầng máy chủ tại Trung tâm Dữ liệu Tổng cục Thuế và cục thuế, linh hoạt trong việc cấp phát và thu hồi tài nguyên hệ thống.

Ngoài ra, các hệ thống dịch vụ công liên tục được nâng cấp, mở rộng chức năng, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tiếp phục vụ doanh nghiệp và người nộp thuế, hạ tầng các ứng dụng dịch vụ công được triển khai trên các công nghệ hạ tầng tiên tiến, tốc độ cao... Công tác vận hành, quản trị hệ thống trong giai đoạn 2016 - 2020 đã được quan tâm, xây dựng, bước đầu hình thành mô hình quản trị thống nhất, mang tâm vóc của một hệ thống công nghệ thông tin hiện đại.

### **Tiếp tục hiện đại hóa công nghệ thông tin**

Theo Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Thuế Đặng Ngọc Minh, Tổng cục Thuế đã xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2021 - 2025. Theo đó, hệ thống công nghệ thông tin của Tổng cục Thuế cần đáp ứng các mục tiêu sau: Tiếp tục xây dựng một hệ thống thông tin quản lý thuế tích hợp, tập trung, đảm bảo công khai minh bạch, hiệu quả, tăng tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động, cũng như đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả trong quản lý nhà nước. Xây dựng một môi trường làm việc số, tích hợp cho cán bộ thuế, giúp tinh giản và tự động hóa các quy trình hoạt động nội bộ, cung cấp khả năng tra cứu thông tin và xử lý nghiệp vụ trên thiết bị di động, thiết lập văn phòng không giấy tờ.

Cung cấp các dịch vụ điện tử và các dữ liệu điện tử bao gồm dữ liệu mở, tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia để tạo thuận lợi cho người nộp thuế, góp phần nâng cao xếp hạng của Việt Nam về mức độ đơn giản, thuận lợi về thuế. Cùng với đó, xây dựng các nền tảng số cung cấp dịch vụ số bao gồm hệ thống quản lý hóa đơn điện tử và nền tảng truyền nhận dữ liệu hóa đơn điện tử, dịch vụ định danh, xác thực mã số thuế theo kế hoạch về định danh và xác thực điện tử, các dịch vụ dữ liệu mở,... cho các tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

Xây dựng các nền tảng tích hợp, nền tảng dữ liệu lớn. Xây dựng nền tảng dữ liệu chuyên ngành Thuế và dữ liệu ngành Tài chính để cung cấp thông tin đầy đủ cho việc chỉ đạo điều hành, kết nối trao đổi thông tin liên thông giải quyết thủ tục hành chính giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các nền tảng thu thập và phân tích dữ liệu lớn để hỗ trợ công tác quản lý thuế và hoạch định chính sách.

Một mục tiêu nữa là duy trì và nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin với công nghệ hiện đại, bảo mật đảm bảo thực hiện tốt các yêu cầu trao đổi tích hợp thông tin trong và ngoài ngành. Phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, trang thiết bị tiên tiến, hiện đại, đồng bộ. Đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin vận hành liên tục, hiệu quả, an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu.

*Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn*

## CHUYỂN ĐỔI SỐ CHÍNH LÀ HOẠT ĐỘNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO SỬ DỤNG CÁC CÔNG NGHỆ SỐ

Theo Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Bùi Thế Duy, chuyển đổi số chính là hoạt động đổi mới sáng tạo sử dụng các công nghệ số.

Nếu như tại các Đại hội Đảng trước đây, khái niệm chuyển đổi số, kinh tế số,... chưa được nhắc đến thì tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, khái niệm này đã được nhắc đến nhiều lần trong cả mục tiêu lẫn chiến lược. Như vậy, có thể thấy, chuyển đổi số đóng vai trò quan trọng trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình áp dụng chuyển đổi số sẽ có sự khác biệt ở từng lĩnh vực khác nhau.

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Huỳnh Thành Đạt cho biết, trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, chuyển đổi số, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự được coi là động lực phát triển kinh tế - xã hội. Các văn kiện lớn của Đảng, chính sách của Nhà nước, Chính phủ đều đưa ra nhiệm vụ tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế số, chính phủ số...

Bộ trưởng cho biết, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ xác định được nội hàm của chuyển đổi số, quản lý nhà nước về chuyển đổi số và đưa ra các vấn đề cần giải quyết. Bộ trưởng cũng lưu ý một số đơn vị cần có hoạt động chuyển đổi sớm, triển khai mạnh mẽ hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin... Để có kế hoạch, chiến lược triển khai hoạt động này trong thời gian tới, Bộ trưởng đã có yêu cầu cụ thể với một số đơn vị liên quan.

Cùng chia sẻ về vấn đề này, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Bùi Thế Duy cho biết, chuyển đổi số thực chất là hoạt động đổi mới sáng tạo của một tổ chức, doanh nghiệp. Ví dụ, khi chúng ta thực hiện chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo với công nghệ dệt hay công nghệ may thì cũng cần thực hiện các bước mua dây chuyền công nghệ, đổi mới quy trình công nghệ ở mức cao nhất của doanh nghiệp, cần thay đổi cả về quản lý, tổ chức, quy trình.

Tất cả các bước khi chúng ta hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo cũng tương tự như khi thực hiện chuyển đổi số, từ ứng dụng, chuyển giao công nghệ, nghiên cứu công nghệ mới và chuyển đổi từ cơ cấu tổ chức, cách thức làm việc, quy trình quản lý, tạo ra những phương thức mới, sản phẩm mới. “Nói một cách ngắn gọn, chuyển đổi số chính là hoạt động đổi mới sáng tạo sử dụng công nghệ số”, Thứ trưởng Bùi Thế Duy nhấn mạnh.

Phó Vụ trưởng Vụ Công nghệ cao Trần Anh Tú cho biết, có 3 cấp độ của chuyển đổi số gồm: số hóa (chuyển dữ liệu Analog sang dạng số); ứng dụng công nghệ số (Quá trình ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số để đơn giản hóa, tối ưu hóa, tăng hiệu quả của các hoạt động, chưa thay đổi thực sự mô hình kinh doanh, hoặc tạo ra doanh nghiệp mới); chuyển đổi số (Quy trình, cách thức hoạt động mới; sản phẩm, dịch vụ mới; mô hình kinh doanh mới; loại hình doanh nghiệp mới).

Ví dụ, Netflix là công ty trải qua cả 3 cấp độ. Đầu tiên là số hóa, sử dụng camera số, cho người dùng thuê, mua đĩa CD, DVD tại các cửa hàng. Ở cấp độ 2 - ứng dụng công nghệ số sẽ cho phép khách hàng đặt hàng qua email, có phần mềm để người dùng lựa chọn, đăng ký thuê đĩa DVD (mô hình chờ khách hàng tìm đến). Ở cấp độ 3 - chuyển đổi số, là mô hình kinh doanh mới, cho thuê video trực tiếp, cung cấp thư viện nội dung, phục vụ trên các thiết bị cá nhân khác nhau kết hợp với gợi ý nội dung cho người dùng dựa trên sở thích, đánh giá.

Hoặc ví dụ với chính phủ điện tử, ở cấp độ 1, văn bản ở dạng file doc/pdf, số hóa các số liệu thống kê, văn bản, tài liệu, sử dụng chữ ký số. Ở cấp độ 2 có trực liên thông văn bản, eCabinet, điều hành điện tử. Ở cấp độ 3, ví dụ, xử lý kiến nghị của người dân, doanh nghiệp giảm các cơ quan/tổ chức trung gian dựa trên AI, Robots. Các dịch vụ do Chính phủ cung cấp để giải quyết vấn đề an sinh của người dân được tùy biến theo nhu cầu.

Có thể nói, chuyển đổi số nội hàm cốt lõi là ứng dụng công nghệ số. Theo các chuyên gia, chuyển đổi số có các mức khác nhau, hiện tại ở Việt Nam chủ yếu là mức số hóa và ứng dụng công nghệ số (tin học hóa). Việc thúc đẩy, hỗ trợ chuyển đổi số tương tự thúc đẩy, hỗ trợ hoạt động ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo với các công nghệ số.

Công nghệ cho chuyển đổi số ở các mức độ khác nhau là khác nhau, ở mức chuyển đổi số toàn diện là các công nghệ chủ chốt của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (AI, IoT, Blockchain, điện toán đám mây, 5G, AR, in 3D, phân tích dữ liệu lớn; thực tại ảo tăng cường (AR), thực tại ảo hỗn hợp MR,...).

### **Chuyển đổi số ở Bộ Khoa học và Công nghệ**

Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia (Quyết định số 749/QĐ-TTg) do Bộ Thông tin và Truyền thông làm đầu mối thực hiện. Các Bộ, ngành, địa phương được phân công tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan.

Theo Quyết định này, Bộ Khoa học và Công nghệ có nhiệm vụ chủ trì triển khai các nhiệm vụ và giải pháp gồm kiến tạo thể chế; Nhiệm vụ giải pháp tạo nền móng Chuyển đổi số; Hợp tác quốc tế, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số; Nhiệm vụ giải pháp tạo nền móng Chuyển đổi số; Tổ chức thực hiện và triển khai các nhiệm vụ giao chung cho tất cả Bộ, ngành.

Giám đốc Trung tâm Công nghệ Thông tin Hà Quốc Trung cho biết, Bộ Khoa học và Công nghệ đã đặt ra các mục tiêu quan trọng để triển khai. Đồng thời, chuyển đổi số công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; thực hiện cải cách hành chính đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của Chương trình chuyển đổi số quốc gia và Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ, ngành.

Cổng Thông tin điện tử của Bộ được đưa vào vận hành từ đầu năm 2017 với hơn 38 triệu lượt truy cập, trung bình 1 triệu lượt xem/tháng, nhiều năm được xếp thứ hạng cao trong các cổng thông tin Bộ, ngành; đồng thời, sử dụng kênh Facebook để lan tỏa thông tin. Đã có hơn 14.000 tin bài và hơn 3.000 thông báo đăng tải, đảm bảo cung cấp thông tin chính thống của Bộ Khoa học và Công nghệ; tuân thủ đầy đủ các quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

Hệ thống dịch vụ công trực tuyến đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia và Hệ thống giám sát quốc gia về Chính phủ số, đáp ứng đầy đủ 18 tiêu chí chức năng theo quy định và các yêu cầu của Chính phủ trong việc triển khai thủ tục hành chính trên môi trường mạng.

Hệ thống một cửa điện tử đã kết nối với Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ và Cổng dịch vụ quốc gia. Đáp ứng đầy đủ các quy định và tích hợp báo cáo số liệu; báo cáo tiến độ công khai trên Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ và quốc gia. Đồng thời, tích hợp tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa; tiếp nhận và xử lý hồ sơ nộp trực tuyến từ Cổng dịch vụ công quốc gia.

*Nguồn: vietq.vn*

## **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG: ĐỀ XUẤT VỀ ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ**

Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý của nhân dân đối với dự thảo Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi tham gia giao dịch điện tử, góp phần đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trong giao dịch điện tử.

Bộ Thông tin và Truyền thông cho biết, hiện nay, xây dựng Chính phủ điện tử, phát triển thương mại điện tử, thúc đẩy cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang được Chính phủ, các Bộ, ban, ngành, địa phương đặc biệt quan tâm. Song song với đó, tính bảo mật an toàn thông tin luôn là mối quan tâm hàng đầu của mọi người dân và doanh nghiệp khi thực hiện giao dịch điện tử, trong đó bao gồm dịch vụ công trực tuyến do cơ quan nhà nước cung cấp và các giao dịch thương mại điện tử.

Tại Việt Nam hiện nay, việc định danh và xác thực cá nhân chủ yếu dựa vào phương thức truyền thống, đó là dựa trên một số giấy tờ đã được quy định như chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, hộ chiếu. Trong khi đó, đối với việc sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, chưa có các quy định tương tự, chưa có phương thức để định danh và xác thực cá nhân, tổ chức khi tham gia các giao dịch điện tử.

Trong bối cảnh Đảng, Nhà nước đặt mục tiêu đẩy mạnh phát triển Chính phủ điện tử, việc xây dựng và ban hành nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử là hết sức cần thiết. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc quản lý, cung cấp và sử dụng các dịch vụ định danh và xác thực điện tử đa dạng, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc đăng nhập hệ thống và tham gia dịch vụ công trực tuyến, góp phần đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trong giao dịch điện tử; đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh góp phần hoàn thành các mục tiêu xây dựng Chính phủ điện tử.

### **Áp dụng trong giao dịch điện tử với cơ quan nhà nước và cả khối tư nhân**

Dự thảo Nghị định quy định về danh tính số, định danh và xác thực điện tử; dịch vụ định danh và xác thực điện tử; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân về danh tính số, định danh và xác thực điện tử tại Việt Nam.

Về phạm vi điều chỉnh, dự thảo Nghị định quy định không chỉ đối với định danh và xác thực điện tử trong giao dịch điện tử với cơ quan nhà nước, mà còn điều chỉnh chung cho các giao dịch điện tử có yêu cầu về định danh điện tử và xác thực điện tử ra toàn xã hội.

Quy định này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong các giao dịch điện tử với cơ quan nhà nước và các giao dịch trong khối tư nhân, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng; đảm bảo tính tiện lợi, an toàn, duy trì sự liên mạch của các giao dịch điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng quy định cụ thể về thành phần danh tính số; mức độ đảm bảo của danh tính số; giá trị sử dụng của danh tính số; yêu cầu mức độ đảm bảo của danh tính số trong giao dịch điện tử; quy định về định danh điện tử; xác thực điện tử; phân loại yếu tố xác thực và phương tiện xác thực.

Đồng thời quy định rõ việc cung cấp và sử dụng dịch vụ định danh và xác thực điện tử; đăng ký, tạo lập danh tính số; lưu trữ, cập nhật danh tính số; cung cấp, quản lý phương tiện xác thực; thay đổi mức độ đảm bảo của danh tính số; tạm dừng, thu hồi danh tính số; cung cấp và sử dụng thông tin cá nhân.

*Nguồn: baochinhpvu.vn*



## **BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI: ĐỀ XUẤT ĐẾN NĂM 2025, 80% LAO ĐỘNG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BỊ TAI NẠN LAO ĐỘNG ĐƯỢC THEO DÕI SỨC KHỎE ĐIỆN TỬ**

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển Y tế lao động xã hội đến năm 2030”.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho biết, theo thống kê hiện nay, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đang quản lý hơn 600 cơ sở y tế lao động xã hội; trong đó, có 9 bệnh viện, trung tâm chỉnh hình - phục hồi chức năng; 50 trung tâm điều dưỡng thương bệnh binh và người có công, 415 cơ sở trợ giúp xã hội, 123 cơ sở cai nghiện ma túy. Các cơ sở y tế lao động xã hội thực hiện nhiệm vụ chăm sóc hàng tháng cho hơn 50.000 đối tượng bảo trợ xã hội; chăm sóc, điều dưỡng hàng tháng cho hơn 700.000 thương bệnh binh nặng và hàng triệu lượt người có công; cai nghiện ma túy cho hơn 240.000 người; cung cấp các phương tiện, dụng cụ, xe lăn, chân tay giả để thực hiện chỉnh hình - phục hồi chức năng và cung cấp dịch vụ công tác xã hội, trợ giúp xã hội cho hàng triệu lượt người mỗi năm.

Tuy nhiên, công tác chăm sóc, điều dưỡng, chỉnh hình - phục hồi chức năng cho thương bệnh binh, người có công với cách mạng, người cao tuổi, người khuyết tật và đối tượng bảo trợ xã hội tại các cơ sở y tế xã hội thuộc ngành lao động - thương binh và xã hội vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, chất lượng chăm sóc, điều dưỡng và chỉnh hình - phục hồi chức năng chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu.

Những hạn chế, bất cập xuất phát từ hệ thống tổ chức y tế lao động xã hội chưa ổn định; cơ chế hoạt động, quản lý trong các cơ sở y tế lao động xã hội chậm đổi mới; cơ sở vật chất xuống cấp; trang thiết bị y tế phục vụ khám chữa bệnh, điều dưỡng, chỉnh hình, phục hồi chức năng thiếu và lạc hậu; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, nhân viên cơ sở y tế lao động xã hội còn yếu, chưa thường xuyên được đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức chuyên môn, kỹ thuật; chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, nhân viên còn nhiều bất cập. Bên cạnh đó, các khu công nghiệp, khu chế xuất trong cả nước thiếu cơ sở y tế để tổ chức thực hiện các hoạt động về phòng, chống tai nạn lao động, quản lý vệ sinh lao động, sức khỏe, bệnh nghề nghiệp của người lao động.

Hiện nay, do hậu quả của chiến tranh, tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, tệ nạn xã hội và già hóa dân số, người dân có nhu cầu chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng có xu hướng gia tăng; trong đó, có khoảng 11,7 triệu người cao tuổi, 6,2 triệu người khuyết tật trên 5 tuổi, khoảng 2,75% hộ nghèo, 3,5% hộ cận nghèo, khoảng 8,8 triệu người có công với cách mạng và thân nhân, hàng triệu người có vấn đề sức khỏe tâm thần, 1,5 triệu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khoảng 2 triệu lượt hộ gia đình cần được trợ giúp đột xuất hàng năm, 234.000 người nhiễm HIV được phát hiện,

240.000 người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý, khoảng 30.000 nạn nhân bị bạo lực, bạo hành trong gia đình, ngoài ra, còn nhiều phụ nữ, trẻ em bị ngược đãi, bị mua bán, bị xâm hại hoặc lang thang kiếm sống trên đường phố.

Để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc tốt hơn cho các đối tượng nêu trên, thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, việc ban hành Đề án “Phát triển Y tế lao động xã hội đến năm 2030” là hết sức cần thiết với những giải pháp phù hợp nâng cao năng lực cho hệ thống cơ sở y tế lao động xã hội; cụ thể hóa quan điểm của Đảng, Nhà nước trong việc góp phần bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe đối với thương bệnh binh và người có công với cách mạng, các đối tượng bảo trợ xã hội và người lao động bị bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động; góp phần phát triển an sinh xã hội trong tình hình mới.

### **Đến năm 2025, 80% lao động các khu công nghiệp bị tai nạn lao động được theo dõi sức khỏe điện tử**

Tại dự thảo Đề án “Phát triển Y tế lao động xã hội đến năm 2030”, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất mục tiêu đến năm 2025, tối thiểu 70% các Bệnh viện, Trung tâm Chính hình - Phục hồi chức năng ngành đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế, thực hiện được tối thiểu 70% danh mục dịch vụ kỹ thuật của cơ sở y tế chuyên khoa tuyến tỉnh; 30% Trung tâm điều dưỡng thương binh và người có công, cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế, thực hiện được tối thiểu 80% danh mục dịch vụ kỹ thuật của y tế tuyến xã; phân đấu 80% đối tượng thuộc cơ sở, người lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất bị tai nạn lao động được quản lý, theo dõi sức khỏe điện tử; từng bước đầu tư, nâng cấp các cơ sở y tế lao động xã hội theo quy hoạch của ngành Y tế và ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đến năm 2030, 100% các Bệnh viện, Trung tâm Chính hình - Phục hồi chức năng của ngành đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế, thực hiện được tối thiểu 80% danh mục dịch vụ kỹ thuật của cơ sở y tế chuyên khoa tuyến tỉnh; 50% Trung tâm điều dưỡng thương binh và người có công, cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế, thực hiện được tối thiểu 80% danh mục dịch vụ kỹ thuật của y tế tuyến xã; 90% đối tượng thuộc cơ sở, người lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất được quản lý, theo dõi sức khỏe điện tử; đầu tư, nâng cấp các cơ sở y tế lao động xã hội theo quy hoạch của ngành Y tế và ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## **HÀ NỘI: CHỦ TỊCH PHƯỜNG ĐƯỢC ỦY QUYỀN CHO CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH THỰC HIỆN KÝ CHỨNG THỰC**

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Công văn số 1184/UBND-NC về thực hiện Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 97/2019/QH14 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội.

Theo Khoản 3 Điều 7 của Nghị định số 32/2021/NĐ-CP quy định: “Chủ tịch phường được ủy quyền cho công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện ký chứng thực và đóng dấu của Ủy ban nhân dân phường đối với việc chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ; văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận; chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản theo quy định của pháp luật. Công chức tư pháp - hộ tịch được ủy quyền phải có kinh nghiệm từ 3 năm công tác trở lên ở lĩnh vực tư pháp - hộ tịch”.

Thực hiện Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 12/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị định số 32/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố giao Ủy ban nhân dân các quận, thị xã chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thực hiện việc ủy quyền ký chứng thực, cụ thể: Người được ủy quyền là công chức tư pháp - hộ tịch phường có kinh nghiệm từ 3 năm công tác trở lên ở lĩnh vực tư pháp - hộ tịch (kể từ ngày được tuyển dụng vào công chức phường và giữ chức danh công chức tư pháp - hộ tịch, không bao gồm thời gian tập sự) và không đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc thi hành kỷ luật. Việc ủy quyền ký chứng thực không làm thay đổi hoặc chấm dứt thẩm quyền ký chứng thực của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường theo quy định.

Phạm vi ủy quyền: Ký chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận; chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản theo quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Văn bản chứng thực của công chức tư pháp - hộ tịch phường ký thừa ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường được đóng dấu của Ủy ban nhân dân phường theo quy định. Thời hạn ủy quyền kể từ ngày ban hành quyết định ủy quyền nhưng không vượt quá thời gian thực hiện thí điểm được quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 97/2019/QH14 của Quốc hội (hết Quý IV/2023).

Ủy ban nhân dân các quận, thị xã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các phường thông tin, tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của việc ủy quyền ký chứng thực, giá trị của văn bản do công chức tư pháp - hộ tịch ký chứng thực đến các tổ chức, người dân trên địa bàn. Rà soát, đánh giá về số lượng, chất lượng đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch phường, có phương án củng cố, kiện toàn đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch các phường đủ về số

lượng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác được giao; lập danh sách công chức tư pháp - hộ tịch phường gửi Sở Tư pháp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ chứng thực. Chỉ đạo Phòng Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thường xuyên kiểm tra, giám sát, chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền của công chức tư pháp - hộ tịch, đảm bảo công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Liên quan đến nhiệm vụ trên, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân các quận, thị xã bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ chứng thực cho công chức tư pháp - hộ tịch, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ được ủy quyền. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận, thị xã, Ủy ban nhân dân các phường thực hiện chế độ thông tin báo cáo đầy đủ...

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo việc củng cố, kiện toàn đội ngũ công chức tư pháp cấp huyện, xã; trước mắt quan tâm củng cố, kiện toàn đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch các phường để đảm bảo việc ủy quyền ký chứng thực theo quy định...

Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng của thành phố về mục đích, ý nghĩa, lợi ích của việc ủy quyền ký chứng thực, giá trị của văn bản chứng thực đến các tổ chức, công dân...

Sở Tài chính phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Nội vụ nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành nghị quyết quy định mức hỗ trợ hằng tháng đối với công chức tư pháp - hộ tịch được ủy quyền ký chứng thực.

Các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện quán triệt, chỉ đạo bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính và các cơ quan, đơn vị trực thuộc trong việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ hành chính, không được từ chối hoặc gây khó khăn cho các tổ chức, cá nhân sử dụng các văn bản, giấy tờ do công chức tư pháp - hộ tịch ký chứng thực.

Ủy ban nhân dân thành phố cũng đề nghị Hội Công chứng viên thành phố Hà Nội thông tin, tuyên truyền đến các tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên các quy định của Nghị định số 32/2021/NĐ-CP, nội dung, phạm vi, thời hạn ủy quyền và giá trị của văn bản chứng thực do công chức tư pháp - hộ tịch phường được ủy quyền ký, phục vụ việc giải quyết các yêu cầu công chứng của tổ chức, công dân.

*Nguồn: phapluatxahoi.vn*

## THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: THƯỚC ĐO TỪ DÂN VÀ DOANH NGHIỆP

Đề cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ở TP. Hồ Chí Minh, vấn đề quan trọng nhất bây giờ là công tác cán bộ. Cán bộ phải xắn tay vào làm, dám chịu trách nhiệm, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo.

TP. Hồ Chí Minh đã ban hành loạt chương trình hành động, có giải pháp cụ thể về cải thiện môi trường đầu tư. Tuy nhiên, cần phải làm rõ đang tắc ở khâu thực hiện? Đơn cử như việc cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), muốn tốt lên thì phải làm gì để cải thiện các điểm số PCI về tiếp cận đất đai; chi phí không chính thức; tiếp cận nguồn lực? Nhóm câu hỏi để hình thành nên các trụ cột đó, địa phương nào cũng biết và biết khó chỗ nào nhưng thúc đẩy để cải thiện là điều không dễ.

Mấu chốt để thúc đẩy môi trường kinh doanh là thực thi - khâu đang hạn chế hiện nay ở TP. Hồ Chí Minh. Chừng nào TP. Hồ Chí Minh chưa cải thiện hơn nữa về tuyển dụng, sử dụng con người, đội ngũ cán bộ công chức, viên chức thì các giải pháp mới chỉ dừng ở phần ngon.

Để giải bài toán nguồn lực cán bộ công chức, viên chức của TP. Hồ Chí Minh, có thể lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm tiêu chí phục vụ, làm sao thể chế hóa yêu cầu đó. Cụ thể, doanh nghiệp và người dân có quyền đánh giá sự hài lòng về phục vụ, đánh giá với môi trường kinh doanh. Việc đánh giá phải được cụ thể hóa xuống từng sở ngành, phòng ban, từng cán bộ công chức. Chẳng hạn như khi thực hiện bất cứ thủ tục hành chính nào về thuế, hải quan, môi trường kinh doanh, đầu tư,... doanh nghiệp sẽ đánh giá năng lực của cán bộ theo thang điểm từ 1 - 5. Mỗi năm từ 5% - 10% cán bộ, công chức bị đánh giá thấp nhất sẽ bị cảnh cáo, nếu yếu kém trong 2 năm liên tiếp sẽ bị loại và thay bằng thi tuyển đội ngũ công chức mới chất lượng hơn.

Với việc áp dụng hệ thống đánh giá năng lực tới từng công chức, cán bộ, họ sẽ có động lực phải cố gắng làm việc, học hỏi từ những địa phương khác có Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) tốt hơn... Đổi lại, cần cơ chế đặc thù để cán bộ, công chức có động lực làm việc, công hiến bằng những chính sách về lương, thưởng, cơ hội thăng tiến.

Sự đòi hỏi ngày càng cao của doanh nghiệp về môi trường kinh doanh đang đặt ra yêu cầu về chuẩn mực cao hơn, chất lượng phục vụ tốt hơn của cơ quan quản lý nhà nước. Nếu chính quyền địa phương không đáp ứng được, doanh nghiệp sẽ chọn lựa địa phương khác nên việc cải thiện môi trường đầu tư là đòi hỏi cấp bách.

Thực tiễn cho thấy, TP. Hồ Chí Minh đã và đang có một vị thế rất tốt, xứng đáng trở thành trung tâm kinh tế tài chính thu hút nhà đầu tư trong và ngoài nước. Những nhà đầu tư, doanh nghiệp nước ngoài khi tới Việt Nam, địa phương đầu tiên họ nghĩ đến phải là TP. Hồ Chí Minh, rồi khi đi vào từng dự án cụ thể, thấy có băn khoăn, trực trặc... mới chuyển đến các địa phương khác.

Sức hấp dẫn tiềm tàng của TP. Hồ Chí Minh là rất lớn, khó có địa phương nào có thể vượt được, quan trọng là những vấn đề, hạn chế của TP. Hồ Chí Minh trong thời gian qua làm mờ đi lợi thế tiềm tàng. Vì thế, rất cần sự đột phá, thay đổi để TP. Hồ Chí Minh trở lại vị thế vốn có của mình.

*Nguồn: nld.com.vn*

## CẦN THƠ: CHẤN CHỈNH TÌNH TRẠNG CÔNG CHỨC SÁCH NHIỀU, LÀM KHÓ NGƯỜI DÂN

Người dân phải đi lại nhiều lần để giải quyết công việc; công chức gây phiền hà, sách nhiễu, gợi ý nộp thêm tiền ngoài phí/lệ phí; cơ quan trả kết quả trễ hẹn, không thông báo, không xin lỗi về việc trễ hẹn... Đó là những tình trạng còn tồn tại ở một số sở, ngành, địa phương trên địa bàn TP. Cần Thơ.

Theo báo cáo kết quả đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn TP. Cần Thơ năm 2020 được Sở Nội vụ TP. Cần Thơ báo cáo mới đây, hầu hết người dân chọn hình thức nộp hồ sơ và nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (chiếm 98,40%); chỉ 0,35% chọn nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến, đặc biệt là có 0,28% ý kiến chọn hình thức thuê người thực hiện (dịch vụ “cò”).

Sự phụ thuộc vào công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa để biết về thủ tục hành chính là rất lớn và việc này diễn ra ở tất cả các cấp, đặc biệt là cấp xã. Đây cũng chính là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng nhũng nhiễu, phiền hà trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

Về tình trạng công chức gây phiền hà, sách nhiễu trong quá trình giải quyết công việc, cấp sở là nơi được trả lời có tình trạng này nhiều nhất khi có 3/16 đơn vị có ý kiến của người dân cho rằng tình trạng này là “có”.

Người dân cũng cho rằng một số công chức tại Bộ phận Một cửa không nhiệt tình hướng dẫn hồ sơ, không thân thiện trong tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; hướng dẫn không rõ ràng dẫn đến việc người dân phải đi lại nhiều lần để hoàn thiện hồ sơ; có thái độ cáu gắt khi người dân hỏi về thủ tục hành chính, đề nghị chi tiền để giải quyết hồ sơ nhanh hơn; không giải quyết hồ sơ theo thứ tự...

Đối với tình trạng công chức gợi ý nộp thêm tiền ngoài phí/lệ phí trong quá trình giải quyết công việc, có 1 đơn vị cấp huyện (huyện Phong Điền) và có 6/83 xã, phường, thị trấn có tình trạng này.

Về chỉ số hài lòng, đối với cấp sở, Sở Nội vụ là đơn vị có chỉ số hài lòng cao nhất với 100%, thấp nhất là Sở Kế hoạch và Đầu tư với 52,62%. Cấp sở cũng là nơi có chỉ số hài lòng thấp hơn so với cấp huyện và cấp xã.

Đối với cấp huyện, 2 quận trung tâm là Ninh Kiều và Bình Thủy là 2 đơn vị có tỷ lệ người được hỏi đánh giá “Rất không hài lòng” và “Không hài lòng” cao nhất. Quận Ninh Kiều có đến 67,33% số người tham gia khảo sát trả lời phải đi lại ít nhất 3 lần mới nhận được kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận Ninh Kiều có chỉ số hài lòng thấp nhất TP. Cần Thơ với tỷ lệ 57,91%...

Đánh giá về công chức gây phiền hà, sách nhiễu trong quá trình giải quyết công việc, có 4 địa phương có tình trạng này là huyện Cờ Đỏ, huyện Thới Lai, quận Cái Răng và quận Thốt

Nốt. Người dân cho rằng công chức hướng dẫn không rõ ràng, yêu cầu nhiều hồ sơ ngoài quy định, kết quả giải quyết in sai thông tin nhưng bắt người dân phải làm đơn xin điều chỉnh...

Lĩnh vực đất đai tiếp tục là lĩnh vực “nóng” nhất trong tất cả các lĩnh vực được khảo sát. Đây cũng là lĩnh vực có số người trả lời phải đi lại từ 3 lần trở lên cao nhất với tỷ lệ 36,20%...

Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ vừa chỉ đạo các sở ngành, địa phương tổ chức đánh giá, xác định nguyên nhân và tìm giải pháp khắc phục tồn tại trong công tác phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn.

Đặc biệt, chú trọng các nội dung mà người dân đánh giá chưa cao như: đi lại nhiều lần để giải quyết công việc; công chức gây phiền hà, sách nhiễu; công chức gợi ý nộp thêm tiền ngoài phí/lệ phí; cơ quan trả kết quả trễ hẹn, không thông báo, không xin lỗi về việc trễ hẹn...

*Nguồn: kinhtedothi.vn*

## QUẢNG NINH: CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU MÓNG CÁI ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, HIỆN ĐẠI HÓA HẢI QUAN

Năm 2021, với quyết tâm đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ, Chi cục Hải quan Cửa khẩu Móng Cái quyết liệt triển khai các giải pháp thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính, hiện đại hóa hải quan. Qua đó, đã đạt nhiều kết quả nổi bật trên các mặt công tác.

Với tinh thần tích cực triển khai thực hiện đơn giản hoá thủ tục hành chính theo hướng hiện đại, công khai, minh bạch, ngay từ đầu năm 2021, Chi cục Hải quan Cửa khẩu Móng Cái đã triển khai quyết liệt theo đúng chỉ đạo của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh và lộ trình đặt ra. Trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính trên 6 nội dung là cải cách thủ tục, cải cách bộ máy, cải cách thủ tục, cải cách nguồn nhân lực, cải cách tài chính công và hiện đại hóa nền hành chính. Trong đó, tập trung vào cải cách thủ tục hải quan, hiện đại hóa công tác quản lý về hải quan để giúp giảm thời gian thông quan, giảm thời gian chi phí, nhân lực cho doanh nghiệp, nhất là, giảm tiếp xúc trực tiếp giữa cán bộ hải quan và doanh nghiệp, giảm vướng mắc trong thủ tục...

Đặc biệt, Chi cục đã triển khai hiệu quả đề án giám sát hải quan tự động VASCM tại 1 địa điểm và 6 kho ngoại quan thuộc địa bàn quản lý. Hiện đơn vị đang phối hợp với Phòng Công nghệ thông tin, Phòng Giám sát Quản lý về Hải quan (Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh) và Công ty phát triển công nghệ Thái Sơn tiếp tục triển khai Hệ thống giám sát hải quan tự động VASSCM đối với 12 kho ngoại quan còn lại do đơn vị quản lý.

Đồng thời, vận hành hiệu quả hệ thống thông quan điện tử VNACCS/VCIS với 100% tờ khai thông quan trên hệ thống thông quan tự động; hệ thống cơ chế một cửa quốc gia và một cửa ASEAN; 100% tờ khai nộp thuế trên hệ thống trực tuyến kết nối giữa Hải quan - Ngân

hàng - Kho bạc và dịch vụ nộp thuế điện tử 24/7; thực hiện 100% các thủ tục hành chính trên hệ thống VNACCS/VCIS, dịch vụ công trực tuyến HQ36a...

Từ đó cắt giảm chi phí, giảm thời gian thông quan giải phóng hàng, nâng cao chất lượng phục vụ, năng lực cạnh tranh đáp ứng mục tiêu “4 giảm và 4 tăng”, tạo điều kiện thuận lợi thông thoáng cho hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến.

Song song với đó, Chi cục Hải quan Cửa khẩu Móng Cái đã chủ động đồng hành, hỗ trợ, tạo môi trường thuận lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu thu hút doanh nghiệp. Tiêu biểu như đơn vị thành lập 4 tổ công tác tiếp xúc gặp gỡ hơn 32 doanh nghiệp có kim ngạch số thu Ngân sách Nhà nước lớn đang nhập khẩu ở một số tỉnh nhằm thu hút các doanh nghiệp này làm thủ tục nhập khẩu tại Móng Cái năm 2021...

Từ nay đến cuối năm, Chi cục Hải quan Cửa khẩu Móng Cái xác định, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm đơn giản hoá quy trình, hồ sơ và thủ tục xuất nhập khẩu, giảm thời gian thông quan hàng hoá xuất nhập khẩu cho doanh nghiệp. Đặc biệt, tăng cường đối thoại với các doanh nghiệp về những khó khăn, vướng mắc trong thủ tục hải quan để tham mưu, đề xuất phương án xử lý kịp thời và nâng cao mức độ hài lòng của doanh nghiệp.

*Nguồn: baoquangninh.com.vn*

## QUẢNG NAM: PHÊ DUYỆT HƠN 900 TỶ ĐỒNG XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ; RA MẮT TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH GIÁO DỤC THÔNG MINH

### \* Phê duyệt hơn 900 tỷ đồng xây dựng chính quyền số

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam vừa thông qua đề án “Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng chính quyền số giai đoạn 2021 - 2025” với kinh phí 901 tỷ đồng.

Theo Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, đến nay tỉnh đã đầu tư, xây dựng, đưa vào vận hành các ứng dụng dùng chung tạo nền tảng để hình thành Chính quyền điện tử trên địa bàn. Qua đó, góp phần phục vụ cho công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo, nâng cao hiệu quả quản lý của các cơ quan nhà nước, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và các tổ chức với số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đạt 41%.

Các đơn vị đã kết nối với hệ thống thanh toán trực tuyến Chính phủ, cho phép người dân, doanh nghiệp thực hiện các giao dịch trực tuyến mức độ 4 thuận tiện, tiết kiệm thời gian, chi phí giải quyết thủ tục hành chính.

Năm 2020, tỉnh Quảng Nam chính thức triển khai các hệ thống quan trọng của Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC), nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP), hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh (LRIS), góp phần hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử.



Công tác chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh thời gian qua được triển khai tích cực, đúng định hướng, đạt được một số kết quả thiết thực, góp phần thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn.

Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi số của tỉnh còn bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế. Hạ tầng kỹ thuật chưa được đầu tư đồng bộ, hệ thống mạng WAN, hội nghị truyền hình, Trung tâm Tích hợp dữ liệu chưa đáp ứng yêu cầu. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao.

Với đề án “Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số tỉnh giai đoạn 2021 - 2025”, tỉnh Quảng Nam đặt mục tiêu, xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng chính quyền điện tử, Chính quyền số tuân thủ kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh.

Hoàn thành việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh.

Qua đó, đạt 100% các giao dịch trên cổng dịch vụ công tỉnh và hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh, huyện, xã. Duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa cổng dịch vụ công tỉnh với cổng dịch vụ công quốc gia.

Cung cấp 100% các dịch vụ công trực tuyến liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp ở mức độ 3, 4; 40% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền số được xác thực định danh điện tử thông suốt.

Trên 50% hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; 80% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng; 100% báo cáo định kỳ của các cơ quan hành chính nhà nước được cập nhật.

Ngoài ra, 80% cơ quan nhà nước tham gia cung cấp dữ liệu mở, dưới dạng máy có khả năng đọc, để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân, doanh nghiệp và phát triển kinh tế xã hội; 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan nhà nước được thực hiện qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

Tỉnh Quảng Nam đặt mục tiêu tới năm 2030, 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng; 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

Để thực hiện đề án phát triển chính quyền số, tỉnh Quảng Nam phê duyệt kinh phí 901 tỷ đồng. Trong đó, 350 tỷ đồng từ ngân sách tập trung và chi phí sự nghiệp, 320 tỷ đồng ngân sách Trung ương.

#### **\* Ra mắt Trung tâm Điều hành giáo dục thông minh**

Chiều ngày 26/4, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam phối hợp với Tập đoàn Bưu chính Viễn thông tỉnh Quảng Nam tổ chức khai trương Trung tâm Điều hành giáo dục thông minh (IOC Edu).

Trung tâm Điều hành giáo dục thông minh tỉnh Quảng Nam được xây dựng với mục tiêu nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo cũng như trong phạm vi toàn ngành; tạo lập môi trường chia sẻ thông tin, đồng bộ cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo, nhằm tạo môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp, đảm bảo an toàn thông tin, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý và chất lượng dạy học. Nhờ đó, việc chuyển đổi số từng bước được thực hiện để tạo điều kiện cho việc xây dựng chính quyền số trong toàn ngành giáo dục và đào tạo của tỉnh, nâng cao chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan sở.

Cụ thể, với việc đưa Trung tâm Điều hành giáo dục thông minh vào hoạt động, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam phấn đấu sẽ có 100% cơ sở giáo dục phổ thông công lập và 80% cơ sở giáo dục mầm non công lập sử dụng phần mềm quản lý trường học, hồ sơ chuyên môn điện tử; hoàn thiện kết nối và đồng bộ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, với IOC Edu của sở từ phần mềm quản lý trường học. Qua đó, 100% báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê về giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông được thực hiện qua IOC Edu của sở.

Bên cạnh đó, IOC Edu của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam sẽ tích hợp chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Điều hành thông minh của tỉnh, Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các cơ sở giáo dục có thể báo cáo đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn trên các hệ thống thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Ngoài ra, IOC Edu còn giúp nâng cao số lượng, chất lượng các cuộc họp, hội nghị trực tuyến giữa Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam với đơn vị trực thuộc. Những hoạt động này hướng đến số hóa công tác quản lý các cơ sở giáo dục, hạn chế giấy tờ hành chính, giảm công tác điều hành... Đặc biệt, các trường được tham gia tương tác trong các hoạt động của sở, ngành đúng với chủ trương cải cách hành chính, góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động hơn nữa.

Phát biểu tại lễ khai trương Trung tâm Điều hành giáo dục thông minh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam Hà Thanh Quốc nhấn mạnh: Trung tâm Điều hành giáo dục thông minh sẽ là nền tảng, cơ sở cho việc thúc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin toàn ngành, trong đó, bắt đầu từ việc phát huy vai trò đứng đầu của các đơn vị chỉ đạo triển khai; tạo động lực thúc đẩy, nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên trong quá trình chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong dạy học và quản lý. Việc đưa vào hoạt động của trung tâm là một bước chuyển lớn đối với ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Nam.

Để Trung tâm Điều hành giáo dục thông minh hoạt động hiệu quả, đạt được những mục tiêu, ý nghĩa đã đề ra, trong thời gian tới, Phòng Giáo dục và Đào tạo của 18 huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh phải tiếp tục đẩy mạnh triển khai sử dụng phần mềm quản lý trường học, thường xuyên cập nhật dữ liệu, bảo đảm 100% cơ sở giáo dục trên địa bàn thực hiện kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với IOC Edu của sở.

*Nguồn: vietnamnet.vn/ttxvn*

## QUẢNG NGÃI: HỢP TÁC VỚI TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM ĐỂ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vừa ký thỏa thuận hợp tác về viễn thông và công nghệ thông tin giai đoạn 2021 - 2025 với Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) để xây dựng chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số.

Cụ thể, các bên thoả thuận hợp tác trên 5 nội dung gồm: Hợp tác cung cấp các giải pháp, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cải cách hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số; hợp tác trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng viễn thông - công nghệ thông tin phục vụ phát triển đô thị thông minh, Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi; hợp tác hoàn thiện các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và an ninh mạng; hợp tác trong lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực viễn thông - công nghệ thông tin và hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin.

Thông qua thỏa thuận hợp tác, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Tập đoàn VNPT sẽ phát huy tối đa thế mạnh của hai bên, huy động nguồn lực tổng hợp để hỗ trợ nhau thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của mỗi bên, đồng thời góp phần mang lại lợi ích chung cho chính quyền, người dân và doanh nghiệp.

Về phía địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tạo điều kiện thuận lợi cho Tập đoàn VNPT phối hợp tham gia thực hiện các nhiệm vụ triển khai ứng dụng viễn thông - công nghệ thông tin phục vụ phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, xây dựng đô thị thông minh cho tỉnh Quảng Ngãi.

Về phía Tập đoàn VNPT, tập đoàn này sẽ ưu tiên triển khai cho Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi các giải pháp, công nghệ tiên tiến nhất trong lĩnh vực viễn thông - công nghệ thông tin để xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số, phù hợp với định hướng phát triển của Chính phủ và điều kiện đặc thù, mức độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

*Nguồn: viettimes.vn*

## THÀNH PHỐ HUẾ: TỪNG BƯỚC ĐỘT PHÁ TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Năm 2021, thành phố Huế tiếp tục xác định cải cách hành chính là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để phát triển và đưa ra nhiều giải pháp để tháo gỡ vướng mắc trong cải cách hành chính, lấy sự hài lòng của người dân làm “thước đo” cho sự phục vụ của nền hành chính. Với mục tiêu hướng đến nền hành chính kiểu mẫu, hiện đại và gần dân, thành phố Huế

đang nỗ lực tháo gỡ khó khăn, từng bước tạo đột phá trong công tác cải cách hành chính, tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính và phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu.

Thời gian qua, công tác cải cách hành chính được thành phố Huế đặc biệt chú trọng theo hướng tinh gọn, hiệu quả, gắn với phát triển chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh. Nâng cao mức độ hài lòng của người dân; nhất là ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đẩy nhanh giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm chi phí, thời gian cho người dân và doanh nghiệp.

Theo Trung tâm Hành chính công thành phố Huế, từ đầu năm 2021 đến nay, đơn vị tiếp nhận trên 33.000 hồ sơ của gần 30 lĩnh vực. Các hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết Ủy ban nhân dân thành phố Huế và các cơ quan chuyên môn thuộc thành phố gần 20.000 hồ sơ; trong đó đã giải quyết trên 18.000 hồ sơ, đang giải quyết trên 800 hồ sơ. Đến nay, thành phố đã số hóa 30.000 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%; đã hỗ trợ cá nhân, tổ chức tạo 4.065 tài khoản dịch vụ công để tiếp cận việc giao dịch thủ tục hành chính theo hình thức trực tuyến, đạt tỷ lệ 29,7% tổng số hồ sơ đã tiếp nhận.

Nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức, viên chức của thành phố, nhất là người đứng đầu trong thực hiện cải cách hành chính được nâng lên rõ rệt. Các văn bản chỉ đạo được Ủy ban nhân dân thành phố, các phòng, ban, đơn vị ban hành kịp thời. Công tác sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị đã và đang được thực hiện thường xuyên. Thành phố Huế cũng đã rà soát và ban hành bộ thủ tục hành chính theo hướng gọn nhẹ, đơn giản, công khai, minh bạch, giúp giảm thiểu thời gian và kinh phí của cá nhân, tổ chức. Thành phố Huế đã khai trương 100% Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại ở 27/27 phường từ năm 2018, đến nay đã đưa vào hoạt động ổn định. Bộ máy cơ quan, đơn vị thuộc thành phố từng bước được sắp xếp tinh gọn.

Theo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế Hoàng Hải Minh, thời gian tới, cả hệ thống chính trị phải quyết liệt, nỗ lực hơn nữa trong công tác cải cách hành chính, đặc biệt là nâng cao các chỉ số, phục vụ tốt nhu cầu của người dân. Phải chú trọng “tính tuân thủ”, “tính phục vụ” trong cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu và các cán bộ trực tiếp giải quyết công việc. Phải gắn chặt và quản lý trách nhiệm của người đứng đầu các phường, các đơn vị bằng cách giao Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Huế, Trung tâm Hành chính công và Phòng Nội vụ có đánh giá cụ thể hàng tuần, giao thời gian về triển khai công việc, công tác cải cách hành chính để có hình thức xử lý với những trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ.

Để triển khai có hiệu quả công tác cải cách hành chính trong năm 2021 và những giai đoạn tiếp theo, thành phố Huế cần tiếp tục tập trung thực hiện các giải pháp đã đề ra trong Kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính, như: Tập trung đào tạo phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, trình độ chuyên nghiệp nhằm phục vụ cho sự phát triển của thành phố. Thủ tục hành chính được cải cách theo hướng ngày càng đơn giản; cắt giảm và nâng cao chất lượng thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước. Về hiện đại hóa nền hành chính, thành phố Huế sẽ tiếp tục sử dụng hiệu quả cơ sở hạ tầng thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ

thông tin vào hoạt động của Trung tâm Hành chính công thành phố và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại ở Ủy ban nhân dân các phường. Tập trung nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của thành phố năm 2021, đẩy mạnh việc xây dựng Chính quyền điện tử và nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến tại Trung tâm Hành chính công thành phố... nhằm xây dựng môi trường làm việc mới chuyên nghiệp để phục vụ người dân, doanh nghiệp, các tổ chức ngày một hiệu quả hơn.

Ủy ban nhân dân thành phố Huế yêu cầu phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong cải cách hành chính. Chú trọng việc thay đổi về thái độ ứng xử, cách thức phục vụ Nhân dân và trách nhiệm hoàn thành công việc của mỗi cán bộ, công chức, viên chức khi thực thi nhiệm vụ. Phải tăng tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị; nghiêm yết công khai, minh bạch các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết. Duy trì và tiếp tục mở rộng các quy trình ISO liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính tại các phòng, ban, đơn vị, địa phương; tiếp tục lấy ý kiến về mức độ hài lòng và xem kết quả đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của thành phố Huế là một trong những cơ sở để xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của người đứng đầu các đơn vị, địa phương.

Các đơn vị phải quyết liệt triển khai đồng bộ các biện pháp cải cách hành chính để tiết kiệm thời gian, chi phí; xây dựng môi trường làm việc mới chuyên nghiệp để phục vụ ngày càng hiệu quả hơn cho người dân, doanh nghiệp, hướng đến một nền hành chính công hiện đại - hiệu lực - hiệu quả. Trong đó, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo để đánh giá, tạo sự đột phá rõ rệt nhằm thúc đẩy phát triển mạnh mẽ tất cả các lĩnh vực trên địa bàn.

*Trần Phương, Sở Nội vụ tỉnh Thừa Thiên - Huế*

## BÀ RỊA - VŨNG TÀU: TỪ NGÀY 04/5

### THỰC HIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN "KHÔNG BIÊN GIỚI"

Tin từ Sở Tài nguyên và Môi trường cho biết, từ ngày 04/5 đơn vị này sẽ triển khai cấp giấy chứng nhận “không biên giới” tại TP. Bà Rịa và huyện Long Điền. Theo đó, các tổ chức, cá nhân, có thể chọn nơi làm hồ sơ tại khu vực thuận tiện, nơi nào cảm thấy hài lòng khi thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận mà không cần đến trực tiếp địa phương nơi có đất.

Các thủ tục hành chính về đất đai thực hiện cấp giấy chứng nhận “không biên giới” trên địa bàn TP. Bà Rịa và huyện Long Điền gồm: thủ tục thay đổi về thông tin của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (đổi tên, thay đổi thông tin về nhân thân, địa chỉ); thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu; thủ tục chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế, cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (không thực hiện tách thửa đất).

Hồ sơ thủ tục hành chính về cấp giấy chứng nhận “không biên giới” được tiếp nhận tại các địa điểm: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa tập trung TP. Bà Rịa (137, đường 27/4, phường Phước Hiệp); Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa tập trung huyện Long Điền

(1939, Quốc lộ 55, thị trấn Long Điền); Trung Tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, số 4, Phạm Văn Đồng, phường Phước Trung, TP. Bà Rịa).

*Nguồn: bariavungtau.com.vn*

## ĐỔI MỚI TƯ DUY TỪ “QUẢN LÝ” SANG “ĐỒNG HÀNH, PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP”

Từ cải cách hành chính, đồng hành, chia sẻ cùng doanh nghiệp, cùng nhau tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đã giúp cho một số địa phương ở Đồng bằng sông Cửu Long tạo dựng hình ảnh thân thiện, đón chào nhà đầu tư.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) đã công bố Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) 2020. Trong bảng xếp hạng này có nhiều địa phương trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long được vào top 10, tức nhóm tốt trong cả nước. Một số tỉnh đã duy trì thành tích này nhiều năm liền trong bảng xếp hạng. Đây là kết quả từ sự nỗ lực cải cách thủ tục hành chính để thu hút doanh nghiệp đầu tư của các địa phương.

### **Cải cách thủ tục hành chính**

Tỉnh Bến Tre tiếp tục nằm trong nhóm điều hành tốt với 69,08 điểm, giảm 0,26 điểm so với năm 2019, xếp hạng thứ 8 so với cả nước và thứ 4 ở Đồng bằng sông Cửu Long. Để nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tỉnh Bến Tre đã ban hành một số chính sách, quy định ưu đãi đầu tư trong và ngoài khu công nghiệp, ưu đãi đầu tư hạ tầng trong khu, cụm công nghiệp; rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Đồng thời, hỗ trợ doanh nghiệp thông qua các chương trình xúc tiến đầu tư, kết nối thị trường, xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm tại hội chợ trong nước và quốc tế.

Hiện nay, địa phương đang tập trung nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh thông qua hỗ trợ khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư. Bên cạnh đó, địa phương đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, từng bước thay đổi tư duy từ “quản lý” sang “phục vụ” doanh nghiệp, nhà đầu tư để xây dựng Bến Tre trở thành “địa phương khởi nghiệp”.

Tất cả các thủ tục hành chính đều được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Bến Tre, các cổng thông tin điện tử thành phần của sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và công dịch vụ công trực tuyến. Hiện, hệ thống đã được 17 đơn vị cấp tỉnh; 9 huyện, thành phố và 157 xã, phường, thị trấn thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp. Số cán bộ, công chức được cấp hộp thư điện tử cấp tỉnh và cấp huyện đạt tỷ lệ: 100%; cấp xã tỷ lệ: 96,6% .

Ông Bùi Văn Sỹ, một doanh nhân tại Hà Nội đến đầu tư các dự án Năng lượng mặt trời tại huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre cho biết, cơ chế chính sách thu hút đầu tư của Bến Tre thông thoáng, minh bạch, luôn tạo điều kiện cho nhà đầu tư.

“Tại tỉnh Bến Tre, kho doanh nghiệp đầu tư vào chính quyền hỗ trợ, giá đất thấp, được miễn thuế... Thủ tục đơn giản, giấy phép kinh doanh và các thủ tục làm rất nhanh. Nói chung tỉnh Bến Tre rất tốt, nhiệt tình, tỉnh rất khuyến khích đầu tư. Tỉnh, huyện nói chung cán bộ rất tạo mọi điều kiện kêu gọi các doanh nghiệp về đầu tư, ủng hộ doanh nghiệp” - ông Bùi Văn Sỹ nói.

Năm 2020, Tỉnh ủy Bến Tre đã ban hành Nghị quyết về chuyển đổi số giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó, thực hiện chuyển đổi số với ba trụ cột chính gồm: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Thủ tục hành chính về đầu tư kinh doanh được rút ngắn, bình quân cấp phép đăng ký doanh nghiệp còn 1,5 ngày, nhiều trường hợp giải quyết trong một buổi khi đảm bảo đủ hồ sơ; cấp chủ trương đầu tư giảm còn 2/3 thời gian so quy định...

Mỗi tháng, lãnh đạo tỉnh và các Sở, ngành đều gặp mặt các nhà đầu tư, doanh nghiệp “bàn tròn cà phê doanh nhân”, để giao lưu, trao đổi, giải quyết các bức xúc của doanh nghiệp.

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre Châu Văn Bình cho biết: “Thời gian qua, chúng tôi đẩy mạnh các hình thức trực tiếp và gián tiếp, kịp thời thông tin và nắm bắt thông tin từ phía doanh nghiệp, tương tác thường xuyên với doanh nghiệp hơn. Chúng tôi đã thành lập group zalo với doanh nghiệp và hiện nay group này hoạt động rất hiệu quả. Các yêu cầu nhất là thông tin thị trường thay đổi thì chúng tôi kịp thời chuyển tải thông tin đó. Chúng tôi cùng với địa phương hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại trực tuyến giữa Việt Nam với các tham tán thương mại ở nước ngoài, Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài”.

### **Đối thoại định kỳ để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc**

Tỉnh Vĩnh Long xếp hạng thứ 6 trong cả nước, giảm tới 3 hạng so với năm trước nhưng tổng số điểm năm 2020 cũng gần bằng với số điểm năm trước và vẫn nằm trong top 10, tức nhóm tốt trong cả nước và đứng thứ 3 trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long Lữ Quang Ngời cho biết, địa phương rất quan tâm đến công tác cải cách hành chính công và hiện đại hóa hành chính trên địa bàn tỉnh. Trong đó, nổi bật trong lĩnh vực cơ chế một cửa và dịch vụ trực tuyến. Tất cả các ngành các cấp đều áp dụng cơ chế một cửa và một cửa liên thông được thực hiện ở các lĩnh vực: đầu tư; đất đai, đăng ký kinh doanh; cấp giấy phép xây dựng; tư pháp.

Đến nay, tỉnh Vĩnh Long đã cung cấp 769 dịch vụ trực tuyến mức độ 3 và 91 dịch vụ trực tuyến mức độ 4. Các doanh nghiệp chỉ cần nộp hồ sơ tại nơi một cửa đồng thời nhận giấy hẹn chờ nhận kết quả.

Theo Phó Giám đốc sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long Nguyễn Khắc Nhu, để giải quyết những khó khăn của doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long luôn duy trì định kỳ hàng quý tổ chức cuộc đối thoại với doanh nghiệp. Tại cuộc đối thoại, các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh, các Hội, Hiệp hội, ngành nghề, các cơ quan báo chí trên địa bàn gặp gỡ, tiếp xúc với lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan quản lý nhà nước để trao

đôi tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Nhờ vậy mà, những khó khăn của các doanh nghiệp luôn được tháo gỡ tại cuộc đối thoại này.

“Tại các buổi đối thoại có các sở, ngành chuyên môn, những khó khăn vướng mắc thuộc ngành nào, cơ quan nào thì lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, cho chủ trương giải quyết ngay, điều này rất là thiết thực vì mình nắm được kịp thời những bức xúc của doanh nghiệp và hợp tác xã” - ông Nguyễn Khắc Nhu cho biết.

### **Đồng hành**

Năm 2020, toàn tỉnh Đồng Tháp có 610 doanh nghiệp thành lập mới, với tổng vốn đăng ký hơn hơn 4.000 tỷ đồng. Đây cũng là năm tỉnh Đồng Tháp có số doanh nghiệp thành lập mới nhiều nhất từ trước đến nay. Tỉnh Đồng Tháp đã tạo dấu ấn đặc biệt về nỗ lực tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi cho doanh nghiệp và làm nên thương hiệu Đồng Tháp - PCI khi 13 năm liên tiếp nằm trong top 5. Tỉnh Đồng Tháp xác định, thành công của doanh nghiệp cũng là thành công của địa phương.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp Phạm Thiện Nghĩa chia sẻ, ngay sau lễ công bố Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh hàng năm, tỉnh Đồng Tháp đều tiến hành nghiên cứu, mổ xẻ, nhìn nhận các mặt yếu để tập trung khắc phục, đề ra những phương án mới để tiếp tục nỗ lực trên chặng đường dài nhằm thúc đẩy đầu tư, tạo thêm nhiều việc làm, phát triển kinh tế - xã hội.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cho rằng, điểm tạo khác biệt của tỉnh Đồng Tháp chính là con người, là sự tiên phong, xông xáo của lãnh đạo tỉnh, chính quyền các cấp trong giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư - kinh doanh của doanh nghiệp. Điều này đã được cộng đồng doanh nghiệp, lãnh đạo Trung ương ghi nhận và đánh giá rất cao. Và đó cũng là chìa khoá giúp tỉnh Đồng Tháp thoát dần lờn nguyên “khuất nẻo”.

Việc xếp thứ hạng không quan trọng mà sự đồng hành, sẻ chia cùng doanh nghiệp để phát triển kinh tế, xã hội mới là thành công. Từ cải cách hành chính, đồng hành, chia sẻ cùng doanh nghiệp, cùng nhau tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đã giúp cho một số địa phương tạo dựng hình ảnh thân thiện, đón chào nhà đầu tư đến cùng hợp tác phát triển kinh tế, xã hội, từng bước nâng cao đời sống, thu nhập và niềm hạnh phúc cho người dân.

*Nguồn: vov.vn*



## CẢI CÁCH CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

Định hướng cải cách toàn diện chính sách bảo hiểm xã hội được đặt nền tảng từ Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992. Cải cách toàn diện chính sách bảo hiểm xã hội là một trong những nội dung quan trọng của chính sách xã hội nhằm góp phần thực hiện mục tiêu “cải biến căn bản tình trạng kinh tế - xã hội kém phát triển” và “thiết lập một hệ thống đồng bộ và đa dạng về bảo hiểm và trợ cấp xã hội”. Điều lệ bảo hiểm xã hội được ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ (đối với lực lượng vũ trang là Điều lệ bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 45/CP ngày 15/7/1995 của Chính phủ) là một trong những văn bản quy phạm pháp luật đầu tiên thể chế hóa quan điểm của Đảng về chính sách bảo hiểm xã hội theo đường lối đổi mới.

### 1. Chính sách bảo hiểm xã hội được thể chế hóa trong Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006

Từ năm 2007, quan điểm của Đảng về chính sách bảo hiểm xã hội chính thức được luật hóa bằng Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006. Những cải cách nổi bật của chính sách bảo hiểm xã hội trong giai đoạn này là:

Thứ nhất, phạm vi, đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tiếp tục được mở rộng đến cá nhân có thuê mướn, sử dụng và trả công cho người lao động theo hợp đồng lao động từ đủ 3 tháng trở lên; hạ sĩ quan, binh sĩ quân đội nhân dân và hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân phục vụ có thời hạn; người làm việc có thời hạn ở nước ngoài mà trước đó đã đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Thứ hai, thiết lập hình thức bảo hiểm xã hội tự nguyện với hai chế độ hưu trí và tử tuất, áp dụng đối với các công dân Việt Nam trong độ tuổi lao động mà không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc. Chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện ra đời từ ngày 01/01/2018 đã tạo điều kiện cho việc mở rộng độ bao phủ về chính sách bảo hiểm xã hội tới tất cả mọi người lao động trong độ tuổi lao động, mọi người dân trong độ tuổi nếu có nguyện vọng đều có thể tham gia bảo hiểm xã hội; đồng thời, chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện cũng góp phần tăng thêm cơ hội cho những người lao động có thời gian đóng ngắn khi đến tuổi nghỉ hưu thì có thể tiếp tục tham gia đóng góp để đủ điều kiện hưởng lương hưu hàng tháng thay vì hưởng bảo hiểm xã hội một lần.

Thứ ba, hình thành chế độ bảo hiểm thất nghiệp với hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009. Chính sách bảo hiểm thất nghiệp là một công cụ quản trị, điều tiết thị trường lao động nhằm nhanh chóng đưa người lao động bị thất nghiệp trở lại thị trường lao động, rút ngắn thời gian tuyển dụng của doanh nghiệp, giảm thiểu chi phí cơ hội của xã hội do chỗ việc làm trống không có người đảm nhận hoặc người lao động không được sử dụng vì không có việc làm hoặc không có kỹ năng cần thiết để đảm nhận vị trí việc làm.

Thứ tư, xác định rõ cơ quan quản lý Nhà nước về bảo hiểm xã hội và bộ máy tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội. Bên cạnh đó, có quy định cơ cấu, thành phần, chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội. Quy định rõ nguyên tắc, các hình thức đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội.

Thứ năm, quỹ bảo hiểm xã hội được hạch toán độc lập theo các quỹ thành phần theo hình thức tham gia bảo hiểm xã hội (bắt buộc, tự nguyện, thất nghiệp) và theo chế độ bảo hiểm xã hội (ốm đau và thai sản, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, hưu trí và tử tuất).

## **2. Chính sách bảo hiểm xã hội được hoàn thiện trong Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014**

Trên cơ sở định hướng của Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012, Luật Bảo hiểm xã hội được sửa đổi toàn diện vào năm 2014 với những nội dung nổi bật sau đây:

Một là, tiếp tục mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng; người lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam (từ ngày 01/01/2018); người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (kể cả đối với những người trước khi đi làm việc ở nước ngoài chưa tham gia bảo hiểm xã hội); người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; người lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc từ ngày 01/01/2018. Áp dụng loại hình “Bảo hiểm hưu trí bổ sung” nhằm đa dạng sản phẩm dịch vụ bảo hiểm và đáp ứng nhu cầu của Nhân dân.

Hai là, quy định chính sách hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện tùy theo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, khả năng ngân sách nhà nước từng thời kỳ nhằm “tăng nhanh diện bao phủ đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội”.

Ba là, tăng cường các biện pháp nhằm đảm bảo bền vững về tài chính của hệ thống bảo hiểm xã hội, đảm bảo sự bình đẳng trong tham gia và thụ hưởng bảo hiểm xã hội giữa các thành phần kinh tế, như: (i) Lộ trình thay đổi thời gian đóng bảo hiểm xã hội để được hưởng tỷ lệ lương hưu tối đa (Điều chỉnh thời gian đóng để đạt tỷ lệ hưởng lương hưu tối đa 75% từ 25 năm lên 30 năm đối với nữ; từ 30 năm lên 35 năm đối với nam theo lộ trình); (ii) Lộ trình điều chỉnh điều kiện về tuổi đời để hưởng lương hưu của những người bị suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80% (Điều chỉnh điều kiện về tuổi đời từ 50 tuổi lên 55 tuổi đối với nam; nữ từ 45 tuổi lên 50 tuổi theo lộ trình); (iii) Thay đổi tỷ lệ giảm trừ lương hưu đối với những người về hưu trước tuổi quy định (Điều chỉnh tỷ lệ giảm trừ đối với mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi quy định từ 1%/năm lên 2%/năm); (iv) Lộ trình tiến tới tính bình quân cả quá trình đóng bảo hiểm xã hội đối với người lao động trong khu vực Nhà nước khi nghỉ hưu (Người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định có toàn bộ thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương này, nếu tham gia bảo hiểm xã hội từ 01/01/2025 trở đi thì tính bình quân của tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của toàn bộ thời gian thay vì chỉ tính một số năm cuối trước khi nghỉ hưu); (v) Điều chỉnh quy định điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo hướng chỉ giải quyết đối với người lao động khi đã hết tuổi lao động mà không đủ điều kiện hưởng lương hưu hoặc ra nước ngoài để định cư hợp pháp.

Bôn là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục hành chính nhằm công khai, minh bạch, tạo thuận tiện cho tham gia và thụ hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội (quy định về định kỳ cung cấp thông tin về đóng bảo hiểm xã hội; người lao động được cấp và quản lý sổ bảo hiểm xã hội; quy định đến năm 2020, hoàn thành việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử về quản lý bảo hiểm xã hội trong phạm vi cả nước; sổ bảo hiểm xã hội sẽ được thay thế bằng thẻ bảo hiểm xã hội).

### **3. Kết quả thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội**

#### **3.1. Diện bao phủ Bảo hiểm xã hội**

Sau nhiều lần sửa đổi, bổ sung, diện bao phủ bảo hiểm xã hội ngày càng được mở rộng cả về đối tượng tham gia và các chế độ bảo hiểm xã hội, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia có độ bao phủ về chế độ bảo hiểm xã hội tốt nhất trong khu vực. Với việc thực hiện đồng bộ các chính sách bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, diện bao phủ bảo hiểm xã hội từng bước được mở rộng và hoàn thiện theo hướng ngày một đảm bảo tốt hơn quyền tham gia và thụ hưởng BHXH của người lao động, cụ thể:

**Bảo hiểm xã hội bắt buộc:** Năm 2007 (là năm đầu thực hiện Luật Bảo hiểm xã hội), số người tham gia là 6,96 triệu người với số thu trên 20 nghìn tỷ đồng. Đến ngày 31/12/2017, số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là 13,59 triệu người (gấp 1,95 lần so 2007) với số thu trên 196 nghìn tỷ đồng (gấp 9,8 lần so 2007).

**Bảo hiểm xã hội tự nguyện:** Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện năm 2008 (năm đầu tiên thực hiện chính sách này) là 6.110 người với số thu 10,75 tỷ đồng. Đến ngày 31/12/2017, số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện là 291 nghìn người (gấp 47,6 lần so 2008) với số thu trên 1.207 tỷ đồng (gấp trên 112 lần so 2008).

#### **3.2. Tình hình giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội**

**Đối với chế độ ốm đau thai sản:** Năm 2007, (là năm đầu tiên thực hiện Luật Bảo hiểm xã hội), có khoảng 2 triệu lượt người hưởng chế độ ốm đau; 300 nghìn lượt người hưởng chế độ thai sản; 750 lượt người hưởng dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau ốm đau, thai sản. Sau 11 năm thực hiện, đến năm 2017, có khoảng 7,5 triệu lượt người hưởng chế độ ốm đau; gần 1,8 triệu lượt người hưởng chế độ thai sản; 320 lượt người hưởng dưỡng sức, phục hồi sức khỏe.

Chế độ ốm đau, thai sản thực sự đi vào đời sống người lao động, là chỗ dựa tin cậy, vững chắc cho người lao động trước các rủi ro thông thường trong cuộc sống gắn với yếu tố sinh học. Mức hưởng chế độ ốm đau, thai sản cao, bảo đảm thay thế, bù đắp tốt thu nhập cho người lao động.

**Đối với chế độ tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp:** Chính sách, chế độ bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp ngày càng được hoàn thiện và cơ bản đáp ứng được nhu cầu chi trả trợ cấp cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Tính đến cuối năm 2017, có khoảng hơn 11 nghìn người hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và trợ cấp phục vụ hàng tháng từ ngân sách Nhà nước (đối tượng được hưởng chế độ từ trước năm 1995); mức hưởng bình quân khoảng 727 nghìn đồng/người/tháng. Có khoảng 42 nghìn người hưởng

trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng từ quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; mức hưởng bình quân khoảng 850 nghìn đồng/người/tháng. Có khoảng trên 1.000 người được hưởng trợ cấp phục vụ hàng tháng, mức hưởng bằng mức lương cơ sở (1,3 triệu đồng/người/tháng).

Đối với chế độ hưu trí và tử tuất: Số đối tượng được hưởng chế độ lương hưu và trợ cấp tuất hàng tháng ngày càng tăng: tính đến năm 2007, số người hưởng hưu trí hàng tháng là trên 1,6 triệu người; hưởng tuất hàng tháng trên 208 nghìn người). Năm 2017, số hưởng hưu trí hàng tháng trên 2,4 triệu người; hưởng tuất hàng tháng trên 287 nghìn người.

Đánh giá chung về kết quả đạt được và hạn chế, yếu kém

Kết quả đạt được: Chính sách bảo hiểm xã hội đã từng bước khẳng định và phát huy vai trò trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội của đất nước, là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, mất việc làm, hết tuổi lao động hoặc chết.

Diện bao phủ bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội đã được mở rộng đến tất cả người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động, kể cả người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài và người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam; người lao động làm việc không có hợp đồng lao động có thể tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Số đối tượng tham gia, đối tượng được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội ngày càng gia tăng, mức hưởng cũng tăng nhanh trên cơ sở thực hiện đồng bộ các chính sách bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện. Các chế độ bảo hiểm xã hội từng bước được mở rộng và hoàn thiện theo hướng bao phủ đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội theo thông lệ quốc tế, đảm bảo tốt hơn quyền thụ hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội của người lao động. Chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội hưu trí, tử tuất tự nguyện đã hướng tới cả người lao động có quan hệ lao động và người lao động không có quan hệ lao động, cả người làm việc trong khu vực chính thức và khu vực phi kết cấu.

Hạn chế yếu kém: Phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội còn chậm, dưới mức tiềm năng: Số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến hết năm 2017 mới chỉ chiếm gần 29% lực lượng lao động trong độ tuổi. Sau 10 năm thực hiện bảo hiểm xã hội tự nguyện, số người tham gia mới chỉ đạt khoảng 291 nghìn người, chiếm 0,62% lực lượng lao động trong độ tuổi.

Tình trạng trốn đóng, nợ đóng vẫn còn diễn ra ở nhiều doanh nghiệp, nhiều địa phương, chậm được khắc phục. Tình trạng trốn đóng, nợ đóng bảo hiểm xã hội còn khá lớn, ảnh hưởng đến quyền lợi của nhiều người lao động, tổng số nợ bảo hiểm xã hội bắt buộc có tính lãi đến ngày 31/12/2017 là 5.737 tỷ đồng (chiếm 2,9% số phải thu bảo hiểm xã hội). Vẫn còn trên 380 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động chưa tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động, vẫn còn trên 3,4 triệu người thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng chưa được tham gia.

Công tác giải quyết, chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội mặc dù đã từng bước được cải thiện hơn nhưng vẫn cần tiếp tục hoàn thiện. Việc giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội như: ốm đau, hưu trí, thai sản, tử tuất... còn chậm một phần do cơ quan bảo hiểm xã hội thẩm tra, xem

xét mất nhiều thời gian do chưa kết nối liên thông được cơ sở dữ liệu trên phạm vi toàn quốc; chưa thực hiện rộng rãi giao dịch điện tử trong việc giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội.

Tỷ lệ lượt người hưởng chế độ ốm đau, thai sản trên số người tham gia bảo hiểm xã hội tăng gấp 2 - 3 lần sau 10 năm; số chi từ quỹ ốm đau và thai sản tăng nhanh hơn số thu; nếu không có các giải pháp kiểm soát lạm dụng, trực lợi sẽ có nguy cơ tạo gánh nặng cho ngân sách Nhà nước.

Đã xuất hiện tình trạng lợi dụng quy định của chính sách để hưởng lợi; tình trạng trực lợi quỹ đã xuất hiện những biểu hiện tinh vi như: Giả mạo chứng từ hưởng chế độ ốm đau, thai sản; mua bán, cấp khống giấy tờ, hồ sơ hưởng chế độ; thành lập các công ty nhưng không hoạt động mà chỉ nhằm mục đích trực lợi quỹ; có trường hợp mới đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội đã hưởng ốm đau nhiều ngày, sau đó không tham gia bảo hiểm xã hội nữa.

#### **4. Cải cách chính sách bảo hiểm xã hội từ năm 2018**

##### **4.1. Yêu cầu của việc cải cách chính sách bảo hiểm xã hội**

Việt Nam đang ở trong giai đoạn dân số vàng nhưng cũng đã bước sang giai đoạn già hóa dân số, tốc độ già hóa dân số diễn ra khá nhanh và được coi là nhanh nhất nếu so với các nước. Già hóa dân số tác động trực tiếp đến thị trường lao động, cả về quy mô, cơ cấu, loại hình việc làm, tác động trực tiếp đến sự bền vững của các hệ thống hưu trí. Tuổi thọ gia tăng cũng đặt hệ thống chính sách bảo hiểm xã hội trước những yêu cầu cần phải cải cách mà trọng tâm là tính đến quan hệ giữa thời gian tham gia bảo hiểm xã hội và thời gian thụ hưởng chính sách bảo hiểm xã hội.

Bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang là xu thế lớn trên toàn cầu, với động lực là sự phát triển về khoa học - công nghệ. Trong quá trình hội nhập sâu rộng với thế giới, Việt Nam sẽ được hưởng lợi nhiều nhưng cũng chịu tác động sâu sắc khi cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư thành hiện thực. Tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư làm thay đổi lớn về quan hệ lao động. Xu hướng tự tạo việc làm và chuyển đổi quan hệ lao động sang quan hệ kinh tế không có hợp đồng lao động (Uber, Grab, các kỹ sư tin học lập trình...) sẽ gia tăng. Đây là một thách thức lớn đối với bảo hiểm xã hội trong cách thức tiếp cận và quản lý đối tượng tham gia và thụ hưởng, trong thực hiện mở rộng diện bao phủ. Cùng với đó là quá trình dịch chuyển lao động quốc tế, gia tăng số lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài và số người nước ngoài vào Việt Nam làm việc, đòi hỏi sự hoà nhập về chính sách xã hội, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn chung về an sinh xã hội.

Để đảm bảo các mục tiêu về an sinh xã hội, cần có những cải cách trong thiết kế hệ thống và tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, thực sự là trụ cột chính của chính sách an sinh xã hội; góp phần thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, đảm bảo mọi người lao động đều được tiếp cận và thụ hưởng quyền an sinh xã hội, chia sẻ thành quả phát triển kinh tế xã hội; tuân thủ nguyên tắc công bằng, bền vững tài chính và chia sẻ rủi ro của hệ thống bảo hiểm xã hội là vấn đề cấp thiết trước mắt cũng như lâu dài. Vì vậy, tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội với những mục tiêu và định hướng cải cách như sau:

**Đối với mục tiêu tổng quát**

Cải cách chính sách bảo hiểm xã hội để bảo hiểm xã hội thực sự là một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội, từng bước mở rộng vững chắc diện bao phủ bảo hiểm xã hội, hướng tới mục tiêu bảo hiểm xã hội toàn dân. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại và hội nhập quốc tế theo nguyên tắc đóng - hưởng, công bằng, bình đẳng, chia sẻ và bền vững. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển hệ thống thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội tinh gọn, chuyên nghiệp, hiện đại, tin cậy và minh bạch.

**Đối với mục tiêu cụ thể**

Giai đoạn đến năm 2021: Phần đầu đạt khoảng 35% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chiếm khoảng 1% lực lượng lao động trong độ tuổi; khoảng 28% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp; có khoảng 45% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; tỉ lệ giao dịch điện tử đạt 100%; thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; giảm số giờ giao dịch giữa cơ quan bảo hiểm xã hội với doanh nghiệp đạt mức ASEAN 4; chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia bảo hiểm xã hội đạt mức 80%.

Giai đoạn đến năm 2025: Phần đầu đạt khoảng 45% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chiếm khoảng 2,5% lực lượng lao động trong độ tuổi; khoảng 35% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp; có khoảng 55% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia bảo hiểm xã hội đạt mức 85%.

Giai đoạn đến năm 2030: Phần đầu đạt khoảng 60% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chiếm khoảng 5% lực lượng lao động trong độ tuổi; khoảng 45% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp; khoảng 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia bảo hiểm xã hội đạt mức 90%.

**4.2. Nội dung cải cách**

Thực hiện đồng bộ các nội dung cải cách để mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, hướng tới mục tiêu bảo hiểm xã hội toàn dân; bảo đảm cân đối Quỹ bảo hiểm xã hội trong dài hạn, điều chỉnh lương hưu độc lập tương đối trong mối tương quan với tiền lương của người đang làm việc, thay đổi cách thức điều chỉnh lương hưu theo hướng chia sẻ.

Thứ nhất, xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng, trợ cấp hưu trí xã hội: Ngân sách nhà nước cung cấp một khoản trợ cấp cho người cao tuổi không có lương hưu, hoặc bảo hiểm xã hội hằng tháng. Có chính sách huy động các nguồn lực xã hội đóng thêm để các đối tượng này có mức hưởng cao hơn; điều chỉnh giảm dần độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội phù hợp với khả năng của ngân sách.

Bảo hiểm xã hội cơ bản, bao gồm bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện: Bảo hiểm xã hội bắt buộc (với các chế độ hưu trí, tử tuất, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, ốm đau, thai sản, thất nghiệp) dựa trên đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động. Bảo hiểm xã hội tự nguyện (với các chế độ hưu trí, tử tuất hiện nay, từng bước mở rộng sang các chế độ khác) dựa trên đóng góp của người lao động không có quan hệ lao động; có sự hỗ trợ phù hợp từ ngân sách nhà nước cho nông dân, người nghèo, người có thu nhập thấp, lao động khu vực phi chính thức để mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội; nâng cao ý thức, trách nhiệm của người lao động đối với việc tự bảo đảm an sinh cho bản thân. Mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội theo lộ trình điều chỉnh tăng tuổi nghỉ hưu phù hợp từng thời kỳ.

Bảo hiểm hưu trí bổ sung là chế độ hưu trí tự nguyện theo nguyên tắc thị trường, tạo điều kiện cho người sử dụng lao động và người lao động có thêm sự lựa chọn tham gia đóng góp để được hưởng mức lương hưu cao hơn.

Thứ hai, sửa đổi quy định về điều kiện thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tối thiểu để hưởng chế độ hưu trí theo hướng linh hoạt đồng thời với việc điều chỉnh cách tính lương hưu theo nguyên tắc đóng - hưởng, công bằng, bình đẳng, chia sẻ và bền vững. Mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc sang các nhóm đối tượng khác.

Sửa đổi điều kiện hưởng chế độ hưu trí theo hướng giảm dần số năm đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu để được hưởng chế độ hưu trí từ 20 năm xuống 15 năm, hướng tới còn 10 năm với mức hưởng được tính toán phù hợp nhằm tạo điều kiện cho người lao động cao tuổi, có số năm tham gia bảo hiểm xã hội thấp được tiếp cận và thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm xã hội. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, hoàn thiện cách tính lương hưu, bảo đảm công bằng giữa nam và nữ, giữa khu vực nhà nước và khu vực ngoài nhà nước, kết hợp hài hoà các nguyên tắc đóng - hưởng và chia sẻ giữa người có mức lương cao với người có mức lương thấp để thu hẹp khoảng cách về thu nhập trong các đối tượng hưởng chế độ hưu trí. Rà soát, mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với các nhóm chủ hộ kinh doanh, người quản lý doanh nghiệp, người quản lý, điều hành hợp tác xã không hưởng tiền lương, người lao động làm việc theo chế độ linh hoạt.

Thứ ba, tăng cường sự liên kết, hỗ trợ giữa các chính sách bảo hiểm xã hội cũng như tính linh hoạt của các chính sách nhằm đạt được mục tiêu mở rộng diện bao phủ. Nghiên cứu sửa đổi, hoàn thiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, chú trọng không chỉ các giải pháp xử lý hậu quả thông qua việc chi trả trợ cấp thất nghiệp, đào tạo đáp ứng yêu cầu của công việc mới, giới thiệu việc làm mà cần chú ý thoả đáng đến các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu tình trạng thất nghiệp thông qua việc hỗ trợ doanh nghiệp duy trì sản xuất kinh doanh, bảo đảm việc làm cho người lao động. Nghiên cứu thiết kế các gói bảo hiểm xã hội tự nguyện ngắn hạn linh hoạt để người lao động có nhiều sự lựa chọn tham gia và thụ hưởng. Mở rộng các chế độ bảo hiểm xã hội tự nguyện, tạo điều kiện chuyển đổi thuận lợi giữa bảo hiểm xã hội tự nguyện và bảo hiểm xã hội bắt buộc, hướng tới chính sách bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với toàn bộ người lao động có việc làm, có thu nhập và tiền lương khi có đủ điều kiện cần thiết.

Thứ tư, cải cách trong xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách nhằm củng cố niềm tin, tăng mức độ hài lòng của người tham gia vào hệ thống bảo hiểm xã hội. Xây dựng chính sách

bảo hiểm xã hội bảo đảm sự công bằng, không phân biệt đối xử giữa các nhóm đối tượng tham gia; tăng cường sự chia sẻ giữa các nhóm đối tượng thụ hưởng nhằm khắc phục bất hợp lý, chênh lệch quá lớn về mức hưởng. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hoá các quy trình, thủ tục đăng ký, đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ bảo hiểm xã hội theo hướng thân thiện, công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Thứ năm, đẩy nhanh quá trình gia tăng số lao động tham gia bảo hiểm xã hội trong khu vực phi chính thức. Đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghiên cứu thiết kế các gói bảo hiểm xã hội ngắn hạn với mức đóng, mức hưởng, phương thức giao dịch phù hợp với người lao động trong khu vực phi chính thức.

Thứ sáu, sửa đổi, khắc phục các bất hợp lý về chế độ bảo hiểm hưu trí hiện nay theo hướng linh hoạt hơn về điều kiện hưởng chế độ hưu trí, chặt chẽ hơn trong quy định hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần, tăng tuổi nghỉ hưu bình quân thực tế của người lao động.

Có quy định phù hợp để giảm tình trạng hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo hướng tăng quyền lợi nếu bảo lưu thời gian tham gia bảo hiểm xã hội để hưởng chế độ hưu trí, giảm quyền lợi nếu hưởng bảo hiểm xã hội một lần. Sửa đổi các quy định để khuyến khích người lao động tham gia bảo hiểm xã hội thời gian dài hơn, từng bước tăng tuổi nghỉ hưu bình quân, tăng tỉ lệ giảm trừ tiền lương hưu đối với người lao động muốn nhận chế độ hưu trí sớm.

Thứ bảy, thực hiện điều chỉnh tăng tuổi nghỉ hưu theo lộ trình. Điều chỉnh tuổi nghỉ hưu cần có tầm nhìn dài hạn và có lộ trình phù hợp với tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, thất nghiệp; không gây tác động tiêu cực đến thị trường lao động; bảo đảm số lượng, chất lượng và cơ cấu dân số; bình đẳng giới; cân đối Quỹ bảo hiểm xã hội trong dài hạn; xu hướng già hoá dân số; tính chất, loại hình lao động và giữa các ngành nghề, lĩnh vực.

Từ năm 2021, thực hiện điều chỉnh tuổi nghỉ hưu theo mục tiêu tăng tuổi nghỉ hưu chung, thu hẹp dần khoảng cách về giới trong quy định tuổi nghỉ hưu; đối với những ngành nghề đặc biệt, người lao động được quyền nghỉ hưu sớm, hoặc muộn hơn 5 tuổi so với tuổi nghỉ hưu chung.

Thứ tám, sửa đổi các quy định về mức đóng, căn cứ đóng bảo hiểm xã hội để đạt mục tiêu mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội. Sửa đổi quy định về căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của khu vực doanh nghiệp ít nhất bằng khoảng 70% tổng tiền lương và các khoản thu nhập khác có tính chất lương của người lao động để khắc phục tình trạng trốn đóng, đóng không đủ bảo hiểm xã hội, ảnh hưởng đến khả năng cân đối Quỹ bảo hiểm xã hội và quyền lợi của người lao động. Nghiên cứu điều chỉnh tỷ lệ đóng vào Quỹ bảo hiểm xã hội theo hướng hài hoà quyền lợi giữa người sử dụng lao động và người lao động.

Thứ chín, điều chỉnh tỉ lệ tích lũy để đạt tỉ lệ hưởng lương hưu tối đa phù hợp với thông lệ quốc tế. Sửa đổi cách tính lương hưu theo hướng giảm tỉ lệ tích lũy, bảo đảm khả năng cân đối quỹ hưu trí trong dài hạn, phù hợp với thông lệ quốc tế. Có lộ trình điều chỉnh kéo dài



thời gian tham gia bảo hiểm xã hội thực tế, bảo vệ quyền lợi của người hưởng chế độ hưu trí theo nguyên tắc đóng - hưởng, công bằng và chia sẻ phù hợp.

Thứ mười, đa dạng hóa danh mục, cơ cấu đầu tư Quỹ bảo hiểm xã hội theo nguyên tắc an toàn, bền vững, hiệu quả. Tăng cường công tác đánh giá, dự báo tài chính, hiệu quả đầu tư các quỹ bảo hiểm xã hội; đa dạng hóa danh mục, cơ cấu đầu tư Quỹ bảo hiểm xã hội theo nguyên tắc an toàn, bền vững và hiệu quả; ưu tiên đầu tư vào trái phiếu Chính phủ, nhất là trái phiếu Chính phủ dài hạn; nghiên cứu từng bước mở rộng sang các lĩnh vực có khả năng sinh lời cao, từng bước và có lộ trình đầu tư một phần tiền nhàn rỗi của Quỹ thông qua ủy thác đầu tư tại thị trường trong nước và quốc tế bảo đảm an toàn, bền vững.

Thứ mười một, thực hiện điều chỉnh lương hưu độc lập tương đối trong mối tương quan với tiền lương của người đang làm việc, thay đổi cách thức điều chỉnh lương hưu theo hướng chia sẻ. Thực hiện điều chỉnh trợ cấp hưu trí xã hội theo khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; lương hưu cơ bản được điều chỉnh chủ yếu dựa trên cơ sở mức tăng của chỉ số giá tiêu dùng, khả năng của Quỹ bảo hiểm xã hội và ngân sách nhà nước; quan tâm điều chỉnh thỏa đáng đối với nhóm đối tượng có mức lương hưu thấp và nghỉ hưu trước năm 1995 nhằm thu hẹp khoảng cách chênh lệch lương hưu giữa người nghỉ hưu ở các thời kỳ.

## **5. Quá trình thể chế hóa quan điểm của Đảng tại Nghị quyết số 28-NQ/TW**

### **5.1. Thể chế hóa Nghị quyết số 28-NQ/TW vào các văn bản pháp luật**

Trên cơ sở nội dung cải cách chính sách bảo hiểm xã hội trong giai đoạn 2018 - 2020 một số nội dung cải cách chính sách bảo hiểm xã hội đã được thể chế hóa, cụ thể:

Nhằm cụ thể hóa quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và thể chế hóa nội dung: “Rà soát, sửa đổi các quy định về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, gắn với việc đẩy mạnh đàm phán, ký kết hiệp định song phương về bảo hiểm xã hội”, Chính phủ ban hành Nghị định số 143/2018/NĐ-CP ngày 15/10/2018 quy định chi tiết Luật Bảo hiểm xã hội và Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Theo đó, người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc khi có giấy phép lao động hoặc chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép hành nghề do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp và có hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 01 năm trở lên với người sử dụng lao động tại Việt Nam, ngoại trừ trường hợp người lao động di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp và người lao động đã đủ tuổi nghỉ hưu.

Những nội dung tại Nghị quyết số 28-NQ/TW về tuổi nghỉ hưu: “Từ năm 2021, thực hiện điều chỉnh tuổi nghỉ hưu theo mục tiêu tăng tuổi nghỉ hưu chung, thu hẹp dần khoảng cách về giới trong quy định tuổi nghỉ hưu; đối với những ngành nghề đặc biệt, người lao động được quyền nghỉ hưu sớm, hoặc muộn hơn 5 tuổi so với tuổi nghỉ hưu chung” và tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội: “Sửa đổi quy định về căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của khu vực doanh nghiệp ít nhất bằng khoảng 70% tổng tiền lương và các khoản thu nhập khác có tính chất lương của người lao động” đã được thể chế hóa trong Bộ luật Lao động năm 2019.

## 5.2. Kết quả thực hiện một số mục tiêu tại Nghị quyết số 28-NQ/TW

Tình hình tham gia bảo hiểm xã hội: Theo Nghị quyết số 28-NQ/TW thì Trung ương đặt ra mục tiêu đến năm 2021, phần đầu có 35% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội trong đó có 1% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Thực hiện mục tiêu đã giao, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/8/2018 về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội cho các địa phương. Theo đó, các địa phương căn cứ các nguyên tắc, chỉ tiêu, tiêu chí và phương pháp xây dựng chỉ tiêu của Nghị quyết để xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu cho từng loại đối tượng, từng thời gian, từ đó xây dựng các giải pháp cụ thể, có tính thống nhất, đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

Trên cơ sở đó trong giai đoạn 2018 - 2019 các địa phương đã thực hiện các giải pháp nhằm thực hiện mở rộng đối tượng tham gia và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra trong các tỉnh và cả nước, cụ thể:

Tính đến cuối năm 2019, có 15.773.928 người tham gia bảo hiểm xã hội bằng 32,2% so với lực lượng lao động trong độ tuổi, trong đó: Số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là 15.199.985 người bằng 31,1%; Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện là 573.943 người bằng 1,2%.

Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đã hoàn thành chỉ tiêu Trung ương giao trước 02 năm (năm 2021, phần đầu tỷ lệ nông dân và lao động phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện là 1%).

Trong năm 2019 tổng số tiền thu bảo hiểm xã hội bắt buộc là 243 nghìn tỷ tăng 24,5% so với năm 2017.

Trên cơ sở thực hiện các giải pháp hạn chế chậm đóng và thu hồi tiền đóng bảo hiểm xã hội thì tình trạng chậm đóng bảo hiểm xã hội trong năm 2019 giảm so với năm 2017 khoảng 358 tỷ đồng.

Chính sách bảo hiểm xã hội ra đời và đã từng bước đi vào đời sống của người lao động nhằm bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; nhằm giúp người lao động nói chung và người dân nói riêng có khoản thu nhập hằng tháng khi hết tuổi lao động hoặc chết; qua đó đóng vai trò là trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội.

Với mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động, người dân thì chính sách bảo hiểm xã hội ở nước ta ngày càng được hoàn thiện trên cơ sở thể chế hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng và Chính phủ, cụ thể: độ bao phủ của chính sách bảo hiểm xã hội ngày càng được mở rộng, quyền lợi bảo hiểm xã hội của người lao động và người dân được đảm bảo dựa trên nguyên tắc đóng - hưởng, Nhà nước ngày càng đóng vai trò quan trọng trong chính sách hỗ trợ người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tổ chức thực hiện đã tạo thuận lợi cho người lao động trong tham gia và thụ hưởng chính sách bảo hiểm xã hội.

Trong giai đoạn 2020 - 2030, các nội dung cải cách chính sách bảo hiểm xã hội tại Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 được Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Khóa XII thông qua sẽ được thể chế hóa vào các văn bản quy phạm pháp luật, trên cơ sở quan điểm: bảo hiểm xã hội là một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, đời sống Nhân dân, phát triển bền vững đất nước.

*Nguồn: Báo cáo chuyên đề của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ*

## THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NGÂN HÀNG: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Từ sự thúc ép phải tồn tại và phát triển trong đại dịch COVID-19 và những chuyển biến mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hệ thống ngân hàng Việt Nam đang bước vào một giai đoạn then chốt với những cơ hội lớn và thách thức chưa có tiền lệ.

Chương trình “Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” của Chính phủ đã nêu rõ, tài chính - ngân hàng là một trong những lĩnh vực có tác động xã hội, liên quan hằng ngày tới người dân, thay đổi nhận thức nhanh nhất, mang lại hiệu quả, giúp tiết kiệm chi phí, cần ưu tiên chuyển đổi số trước.

Chương trình này cũng nhấn mạnh, thể chế cần phải đi trước một bước khi có thể. Chính phủ kiến tạo thể chế, chính sách nhằm sẵn sàng chấp nhận và thử nghiệm cái mới một cách có kiểm soát; hình thành văn hóa chấp nhận và thử nghiệm cái mới; làm điếm, làm nhanh, sau đó đánh giá và nhân rộng; thúc đẩy phát triển công nghiệp sáng tạo.

### **Kỳ 1: Ngân hàng số bùng nổ trong trong đại dịch - ai hưởng lợi?**

Cuối tháng 2 vừa qua, giữa lúc các cơ sở tôn giáo, di tích chưa được mở cửa trở lại do các yêu cầu nghiêm ngặt chống COVID-19, thông tin về việc một số cơ sở tôn giáo mở cổng đăng ký “cầu an trực tuyến” và “công đức online” thông qua ứng dụng ví điện tử đã thu hút sự quan tâm chú ý của dư luận.

Tuy nhiên, điều này chỉ gây ngạc nhiên do theo truyền thống, lĩnh vực tâm linh vốn được coi là khá xa lạ với các thành tựu công nghệ. Thực tế thì, việc chuyển đổi số đã diễn ra âm thầm nhưng khá mạnh mẽ ở Việt Nam những năm qua, tác động sâu sắc tới nhiều lĩnh vực và COVID-19 là tác nhân đẩy nhanh quá trình này.

Công ty kiểm toán toàn cầu PwC ghi nhận Việt Nam là thị trường tăng trưởng nhanh nhất về thanh toán di động trong năm 2018 với tỷ lệ người tiêu dùng sử dụng thiết bị di động để thanh toán hàng hoá, dịch vụ tăng từ 37% lên 61%. Theo Ngân hàng Nhà nước, tới cuối năm 2020, số lượng và giá trị giao dịch thanh toán qua di động tăng tới hơn 1.111,2% và 4.049,1% so với cùng kỳ năm 2016.

Riêng năm 2020, số lượng giao dịch thanh toán qua Internet đạt gần 374 triệu giao dịch với giá trị đạt hơn 22,4 triệu tỷ đồng (tăng 8,3% về số lượng và 25,5% về giá trị giao dịch so với cùng kỳ năm 2019); số lượng giao dịch thanh toán qua điện thoại di động đạt gần 918,8 triệu giao dịch với giá trị đạt gần 9,6 triệu tỷ đồng (tăng 123,9% về số lượng và 125,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019).

Ở chiều ngược lại, việc sử dụng thẻ ngân hàng để rút tiền mặt có xu hướng giảm trong thời gian bùng nổ đại dịch.

Tương ứng với tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ của thanh toán điện tử, tốc độ phát triển của kinh tế số tại Việt Nam trong thời gian qua luôn ở mức rất cao. Năm 2020, thương mại điện

tử tăng tới 46% so với năm trước. Theo ước tính của Google và Temasek trong Báo cáo Kinh tế số Đông Nam Á E-economy năm 2020 thì nền kinh tế internet của Việt Nam năm 2020 đạt khoảng 14 tỷ USD và dự báo đến năm 2025 sẽ đạt mức 54 tỷ USD. Đầu tư vào lĩnh vực internet ở Việt Nam năm 2020 cũng bùng nổ, đến 151 giao dịch với giá trị là 935 triệu USD.

Riêng trong lĩnh vực ngân hàng, nhiều đơn vị đã xem việc phát triển ngân hàng số là một mục tiêu trong chiến lược kinh doanh, không đơn thuần là các dự án công nghệ thông tin và xây dựng chiến lược chuyển đổi số phù hợp với đặc thù đơn vị mình.

Chia sẻ với Báo điện tử Chính phủ, Vụ trưởng Vụ Thanh toán - Ngân hàng Nhà nước Phạm Tiến Dũng cho biết, theo kết quả khảo sát vào tháng 9/2020, có 95% số ngân hàng đã và đang xây dựng hoặc dự tính sẽ xây dựng chiến lược chuyển đổi số, trong đó 39% số ngân hàng đã phê duyệt chiến lược chuyển đổi số hoặc tích hợp trong chiến lược phát triển kinh doanh/công nghệ thông tin; 42% ngân hàng đang xây dựng chiến lược chuyển đổi số...

Trong chiến lược chuyển đổi số, đa số (88%) các ngân hàng đều lựa chọn chuyển đổi số cả kênh giao tiếp khách hàng (front-end) và nghiệp vụ nội bộ (back-end) hoặc số hóa toàn bộ; số ít ngân hàng (6%) dự kiến chỉ số hóa kênh giao tiếp khách hàng (front-end only).

Về lợi ích của chuyển đổi số trong vòng 3 đến 5 năm tới, có 82,5% ngân hàng kỳ vọng sẽ tăng trưởng doanh thu ít nhất 10%; 58,1% ngân hàng kỳ vọng hơn 60% khách hàng sử dụng kênh số và 44,4% ngân hàng kỳ vọng tỷ lệ tăng trưởng khách hàng đạt mức hơn 50%.

Nhiều ý kiến cho rằng, năm 2021 sẽ là năm bùng nổ về chuyển đổi số, sẽ có các chuyển đổi tích cực trong việc cải thiện trải nghiệm khách hàng và nâng cao năng suất, hiệu quả kinh doanh thông qua tự động hoá, các nền tảng mới gắn kết khách hàng sẽ ra đời.

### **Người hưởng lợi đầu tiên**

Theo các chuyên gia, chuyển đổi số ngân hàng liên quan tới một loạt các vấn đề công nghệ và đi cùng đó là các vấn đề pháp lý mới mẻ trong nhiều lĩnh vực, bao gồm trí tuệ nhân tạo (A.I.), phân tích dữ liệu (Data Analytics), xử lý dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing), nhận dạng sinh trắc học (Biometrics) hay các công nghệ tự động hóa quy trình bằng robot (RPA), công nghệ chuỗi khối (Blockchain), việc xác minh thông tin nhận biết khách hàng không gặp mặt trực tiếp thông qua phương tiện điện tử (e-KYC); QR Code; Cơ chế quản lý thử nghiệm có kiểm soát (Regulatory Sandbox), hoạt động công nghệ tài chính (Fintech)...

Những thuật ngữ trên về cơ bản không quen thuộc với số đông, nhưng thực tế, cuộc đua chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ cả trong hai khối ngân hàng có vốn nhà nước và thương mại cổ phần. Trong đó, công nghệ dữ liệu, trí tuệ nhân tạo... được các ngân hàng áp dụng nhiều nhất và tận dụng triệt để phân tích hành vi, nhu cầu khách hàng giúp tối ưu hóa, cá nhân hóa việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ.

Theo các chuyên gia, mẫu số chung cho hoạt động của các ngân hàng để giảm thiểu rủi ro trong bối cảnh COVID-19 là đẩy mạnh số hóa, tập trung triển khai các sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng số, với mục tiêu tối ưu hóa trải nghiệm của khách hàng một cách khác biệt và vượt trội, đưa khách hàng trở thành đối tượng được hưởng lợi đầu tiên từ cuộc cách mạng chuyển đổi số.

Theo ông Phạm Tiến Dũng, một số dịch vụ ngân hàng (thanh toán, nhận tiền tiết kiệm) gần như đã được số hóa 100%, cho phép khách hàng thực hiện tất cả các khâu trong quy trình sử dụng dịch vụ thanh toán (từ mở tài khoản, chuyển tiền, thanh toán hóa đơn, nộp rút tiền tiết kiệm thông qua tài khoản thanh toán,...), nhiều ngân hàng đã ứng dụng các công nghệ để đánh giá, phân loại khách hàng và quyết định giải ngân,... giúp đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian giải ngân, cho vay từ nhiều ngày xuống trong ngày.

Hàng chục triệu khách hàng đã trở thành khách hàng số của ngân hàng với việc sử dụng thường xuyên các ứng dụng ngân hàng số trong mọi giao dịch thường nhật như: Ứng dụng ngân hàng số VCB Digibank, VietinBank iPay, BIDV Smart Banking, eBank X của TPBank; Omni-Channel của OCB... BIDV phát động chiến dịch chuyển đổi số "BIDV digi up", công bố nhiều dự án chuyển đổi số. VietinBank cũng có kế hoạch xây dựng ứng dụng "chatbot" (robot tự động nói chuyện, tương tác với khách hàng) "đa nhiệm" hơn.

Ở khối các ngân hàng thương mại cổ phần, Ngân hàng Tiên Phong (TPBank) có hệ thống ngân hàng tự động (LiveBank), Ngân hàng Bru điện Liên Việt có LienViet24h...

Số lượng, giá trị giao dịch ngân hàng qua kênh số của nhiều ngân hàng Việt Nam có sự tăng trưởng vượt bậc; một số ngân hàng như TPBank, MB đã ghi nhận tỷ lệ hơn 80% giao dịch được thực hiện trên nền tảng số.

Một cách hiểu ngắn gọn mà bao quát về một ngân hàng số hoàn hảo bằng 3 con số 3-1-0: Ngân hàng số hoàn hảo sẽ cung cấp các dịch vụ trực tuyến, đem lại trải nghiệm tốt cho khách hàng, ở đó chỉ trong vòng 3 phút, khách hàng có thể hoàn tất việc gửi hồ sơ yêu cầu để gửi tới cho ngân hàng; trong vòng 1 giây, hệ thống tự động phân tích trả lời về việc chấp nhận yêu cầu của khách hàng hay không và toàn bộ quy trình này không (0) cần có sự tham gia của con người.

Nguyên Phó Viện trưởng Viện Chiến lược ngân hàng Phạm Xuân Hòe

Theo Tổng Giám đốc của TPBank Nguyễn Hưng các ngân hàng Việt Nam đang nhanh chóng nắm bắt cơ hội, ráo riết nghiên cứu và áp dụng các giải pháp công nghệ nhằm nhanh chóng khai thác tiềm năng từ phân khúc khách hàng chưa tiếp cận được dịch vụ ngân hàng, điển hình là các giải pháp về định danh khách hàng bằng phương thức điện tử (eKYC); ngân hàng điện tử (Internet Banking và Mobile Banking); thanh toán bằng mã QR, sinh trắc học; kết nối với các ví điện tử, công ty fintech...

Trong đó, phương thức xác thực điện tử (eKYC) đang được nhiều ngân hàng đưa vào ứng dụng, khách hàng có thể mở tài khoản mới ngay trên điện thoại di động thông qua ứng dụng ngân hàng số. Đây được xem là chìa khóa giúp các ngân hàng đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số. Bởi khách hàng không phải xếp hàng chờ đợi, không phải điền vào quá nhiều biểu mẫu, giấy tờ.

Ông Nguyễn Hưng khẳng định, ngân hàng tự động TPBank LiveBank đã được triển khai từ năm 2017, cho phép khách hàng mở tài khoản trong vòng 8 phút và nhận thẻ ngay lập tức; trong khi thủ tục này có thể mất đến cả tuần lễ tại nhiều ngân hàng lớn trên thế giới.

Trong lĩnh vực thanh toán, TPBank cũng là ngân hàng đầu tiên trong Đông Nam Á cho phép khách hàng rút tiền, giao dịch bằng khuôn mặt và vân tay mà không yêu cầu thẻ ngân

hàng hay bất kỳ giấy tờ tùy thân nào - giúp giảm lược thao tác cho khách hàng và đồng thời vẫn đảm bảo kiểm soát chặt chẽ rủi ro.

Chủ tịch Hội đồng quản trị TPBank Đỗ Minh Phú khẳng định đến nay, TPBank đã bước vào giai đoạn thứ hai của quá trình chuyển đổi số, đó là đổi mới số hay sáng tạo số (Digital Innovation). “Giờ đây tất cả các hoạt động của ngân hàng đều được đặt trong mục tiêu sáng tạo số. Nó không còn mang ý nghĩa cách mạng mà Sáng tạo số đã thấm nhuần và trở thành tư duy hành động, tác nghiệp thường nhật của toàn hệ thống tại TPBank”, ông Phú chia sẻ.

### **Cơ hội mới cho các ngân hàng**

Tại ngân hàng Bưu điện Liên Việt, Giám đốc Khối ngân hàng số Dương Trọng Chử cho hay đến năm 2020, đã có hơn 3 triệu khách hàng cài ứng dụng Liên Việt 24h và Ví Việt. Ngân hàng này đã huy động khoảng 100 nghìn tỷ đồng tiết kiệm online trên các ứng dụng này và giải ngân cho vay vài chục nghìn tỷ đồng, với chi phí hết sức tiết kiệm, khách hàng tin dùng.

Cũng theo ông Chử, cùng với việc thu thập dữ liệu khách hàng (hành vi, thói quen giao dịch, lịch sử thanh toán.v.v...), khách hàng có thể tiếp cận các khoản vay vi mô, vay tiêu dùng, kể cả khi khách hàng ít có thông tin để chấm điểm xếp hạng tín dụng theo các quy trình thẩm định tín dụng truyền thống.

Khách hàng dễ dàng tiếp cận các dịch vụ tài chính hơn so với ngân hàng truyền thống. Chẳng hạn, trước đây, khi nghĩ đến gửi tiết kiệm, khách hàng thường chờ có khoảng 5 hay 10 triệu đồng mới ra ngân hàng để gửi, giờ đây khách hàng có thể gửi tiết kiệm chỉ từ 100.000 đồng.

Mô hình ngân hàng số cho phép nhanh chóng mở rộng mạng lưới và cơ sở khách hàng, nhất là đối tượng khách hàng trẻ, có tiềm năng trở thành khách hàng cao cấp trong tương lai; đồng thời, gia tăng năng suất vận hành và kiểm soát chi phí hiệu quả. TPBank ước tính chi phí giao dịch tại Ngân hàng số TPBank chỉ bằng 1/50 chi nhánh truyền thống, nên dù số lượng khách hàng và giao dịch tăng gấp nhiều lần nhưng nguồn nhân lực chỉ tăng 5 đến 7% nguồn lực nhân sự mỗi năm.

Trong khi đó, giải pháp eKYC của Vietinbank giúp khách hàng chỉ cần chụp ảnh giấy tờ tùy thân (căn cước công dân/chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu), chụp ảnh khuôn mặt, hệ thống sẽ kiểm tra các thông tin hợp lệ và tiến hành mở tài khoản cho khách hàng ngay lập tức.

Như nhiều doanh nghiệp, Vietinbank đang ứng dụng giải pháp OCR (Optical Character Recognition - nhận dạng ký tự quang học, cho phép chuyển đổi tài liệu dạng ảnh thành tài liệu có thể biên tập được như file word...). để các kiểm tra thông tin trên giấy tờ tùy thân. Cùng với đó, áp dụng các công nghệ AI để kiểm tra các tiêu chí nhận diện các giấy tờ tùy thân đó có phải là thật hay không, như hình ảnh, vị trí quốc huy...

Trước những lo ngại về khả năng bảo mật của giải pháp số, Phó Tổng Giám đốc Vietinbank Trần Công Quỳnh Lâm khẳng định, doanh nghiệp này quản lý rủi ro rất chặt chẽ, bảo đảm nguyên tắc giấy tờ tùy thân phải trong hiện trạng có thể đọc được thông tin, kiểm tra được khuôn mặt thì mới cho mở tài khoản.

“Ngoài ra, chúng tôi tuân thủ yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là bảo đảm khuôn mặt dùng để mở tài khoản cũng chính là khuôn mặt thực hiện giao dịch, bảo đảm tài khoản không thể chuyển tay cho người khác”, ông Lê khẳng định.

Chuyển đổi số đã giúp ngân hàng đưa ra được các sản phẩm sáng tạo đột phá mới để mở rộng những mô hình kinh doanh phù hợp hơn với thời đại công nghệ. Với tốc độ tăng trưởng qua các năm và xu hướng về sự dịch chuyển hành vi của khách hàng sang các kênh số, đa số các ngân hàng đều kỳ vọng tỷ lệ khách hàng sử dụng kênh số sẽ ngày càng gia tăng trong thời gian tới.

## **Kỳ 2: Chuyển đổi số ngân hàng thúc đẩy nhiều lĩnh vực khác**

Chuyển đổi số là cuộc cách mạng nhưng cũng đồng thời là cuộc đua hết sức căng thẳng, không chỉ giữa các ngân hàng mà còn giữa các ngân hàng với các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế.

Tuy nhiên, cuộc cạnh tranh này sẽ mang lại lợi ích ngày càng lớn cho nền kinh tế và người tiêu dùng. Theo các chuyên gia, với vai trò mạch máu nền kinh tế của hệ thống ngân hàng, chuyển đổi số trong ngân hàng là một trong những yếu tố then chốt cho chuyển đổi số nói chung, tạo hệ sinh thái số về tài chính bao trùm hay tài chính toàn diện, kéo theo, thúc đẩy chuyển đổi số trong các lĩnh vực khác.

### **Kỳ vọng những tác nhân vượt trội**

Trao đổi với Báo điện tử Chính phủ, các chuyên gia trong lĩnh vực này cho biết, những kinh nghiệm thế giới cho thấy, có rất nhiều yếu tố tác động tới chuyển đổi số ngân hàng. Chẳng hạn, Kenya - một trong những nước nghèo nhất thế giới - đã sử dụng mobile money cách đây 12 năm do việc sử dụng tiền mặt tiềm ẩn nguy cơ mất mát rất lớn tại quốc gia này.

Trong khi đó, tại Trung Quốc - một trong những nền kinh tế năng động nhất thế giới, việc giới ăn mày xin tiền bằng cách quét mã QR đã không còn là chuyện lạ. Trung Quốc thành công trong việc triển khai mobile money do AliPay của Alibaba cùng với WeChatPay có hệ sinh thái quá lớn và người dân Trung Quốc thường ưu tiên sử dụng các sản phẩm nội địa, do đó các ứng dụng ví điện tử của Trung Quốc sở hữu lượng người dùng khá đông đảo.

Câu chuyện chuyển đổi số còn đa dạng hơn nữa nếu xét trường hợp nước Mỹ - nền kinh tế lớn nhất thế giới. Theo Giám đốc Khối ngân hàng số của ngân hàng Liên Việt Dương Trọng Chử, nếu mobile money được hiểu là tiền điện tử, thì Mỹ đã triển khai từ khá lâu thông qua việc sử dụng thẻ, thanh toán điện tử (internet banking, mobile banking).

Tuy nhiên, nếu định nghĩa mobile money là ví điện tử, thì có thể thấy, tuy là một cường quốc, nhưng mãi đến năm 2020, Mỹ mới bắt đầu sử dụng mobile money. Nguyên nhân chính là do Mỹ đã có lịch sử quá lâu đời với ngân hàng truyền thống, người dân Mỹ đã quá quen với việc sử dụng thẻ, thanh toán điện tử. Do đó, họ nhận thấy rằng việc chuyển đổi từ sử dụng thẻ sang mobile money là một việc làm chưa quá cần thiết.

Đồng sáng lập Công ty Veramine Inc. Nguyễn Duy Lê (một công ty riêng chuyên về lĩnh vực bảo mật tại Mỹ) cho rằng, ngân hàng - tài chính là khối khách hàng lớn nhất, có nhu cầu cao nhất về an ninh mạng và các giải pháp số.



Ông Lê nhắc tới hai doanh nghiệp fintech lớn tại Mỹ với những giải pháp đột phá trong chuyển đổi số, một doanh nghiệp đã tạo ra được một nền tảng có khả năng liên thông tất cả các hoạt động giữa các bộ phận của một ngân hàng - vốn là một bài toán rất khó. Doanh nghiệp này được định giá khoảng 6 tỷ USD.

Một doanh nghiệp khác đã tìm ra giải pháp để có thể gần như hoàn toàn tự động hóa quy trình cho vay. “Khai thác khoảng 1.600 data point (điểm dữ liệu) với mỗi khách hàng, họ không chỉ giảm được rất nhiều chi phí mà còn đạt được độ chính xác rất cao trong việc dựa trên dữ liệu để đưa ra kết luận về độ tin cậy của một khách hàng, giảm rất nhiều khả năng vỡ nợ của khách hàng đó”, ông Lê nói.

Ông Lê cho rằng, tại Việt Nam đã xuất hiện những công ty được tổ chức với hình thức như vậy, nhưng để tạo ra lợi thế cạnh tranh vượt trội thì chưa, song có thể hy vọng sẽ xuất hiện trong tương lai gần.

### **Vừa cạnh tranh, vừa hợp tác**

Theo các chuyên gia, xu hướng chuyển đổi số chắc chắn khiến cạnh tranh trong ngành ngân hàng càng trở nên khốc liệt. Tuy nhiên, mỗi ngân hàng sẽ lựa chọn chiến lược khác nhau để tối ưu hóa điểm mạnh của mình. Tương tự như câu chuyện của các quốc gia, các ngân hàng còn tương đối non trẻ càng có cơ hội lựa chọn chuyển đổi số là chiến lược cạnh tranh mũi nhọn của mình.

Chẳng hạn, chiến lược ngân hàng số là đòn bẩy cho sự tăng trưởng mạnh mẽ của TPBank trong thời gian qua, với cơ sở khách hàng tăng gấp 1,6 lần và tổng tài sản tăng trưởng 51% giai đoạn 2017 - 2020, song song với sự ra đời của các giải pháp số.

Bên cạnh đó, các ngân hàng cũng hợp tác với các công ty fintech (công nghệ tài chính) và kết nối với các hệ sinh thái số của các đơn vị thuộc các ngành, lĩnh vực khác (các tổ chức cung ứng hàng hóa, dịch vụ (Vingroup, Grab,...), các công ty thương mại điện tử (Lazada, Shopee,...), các công ty viễn thông (Viettel, VNPT,...) để mang tới cho khách hàng những trải nghiệm dịch vụ một cách liền mạch được cá nhân hóa, từ đó tạo sự gắn kết và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

Ở một góc độ nào đó, các công ty fintech đang làm thay đổi các mô hình kinh doanh truyền thống của các ngân hàng và các ngân hàng coi các công ty này vừa là đối thủ cạnh tranh, vừa là đối tác tiềm năng để có thể phát triển hệ sinh thái ngân hàng số.

Về phần mình, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho biết đã kịp thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc về lĩnh vực fintech; đồng thời, khuyến khích các ngân hàng hợp tác với các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, công ty fintech phát triển các giải pháp, mô hình kinh doanh mới. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thực hiện việc cấp phép cho các công ty fintech cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và đến nay đã có 39 tổ chức trung gian thanh toán được cấp phép.

Chia sẻ của một số ngân hàng cho thấy, các công ty fintech muốn phát triển trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng ở Việt Nam vẫn là một điều khá khó khăn do gặp nhiều hạn chế về mặt pháp lý và đây cũng là một lý do mà các công ty này có nhu cầu hợp tác chặt chẽ với phía ngân hàng.

Theo Tổng Giám đốc TPBank Nguyễn Hưng, ngân hàng và các công ty fintech có thể hợp tác nhằm gia tăng thị phần. Điển hình là việc hợp tác với các công ty ví điện tử dưới hình thức mở rộng kênh phân phối sản phẩm, dịch vụ ngân hàng. Từ đó, ngân hàng có thể tận dụng mạng lưới rộng khắp sẵn có của đối tác mà không mất chi phí đầu tư lớn.

Cùng với đó, các bên có thể hợp tác nhằm thúc đẩy sự đột phá, ngân hàng hợp tác với các công ty fintech đi đầu trong lĩnh vực công nghệ mới, đòi hỏi chuyên môn cao như các giải pháp eKYC, nhận dạng sinh trắc học...

### **Liệu có đột phá từ mobile money?**

Các ngân hàng cũng nhìn nhận, quyết định mới đây của Thủ tướng Chính phủ cho phép thí điểm mobile money là một cơ hội mới, mobile money cũng chính là đối tác và là thị trường mục tiêu mới, với khoảng 30 đến 40% dân số Việt Nam chưa có tài khoản ngân hàng.

Theo các chuyên gia, việc phát triển mobile money hiện nay ở Việt Nam rất phù hợp, có thể trở thành "cánh tay nối dài" để kết nối các dịch vụ tài chính với nhau ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa và cùng thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt. Thậm chí, ngân hàng, các công ty fintech và nhà mạng có thể cùng kết hợp với nhau để đưa ra các dịch vụ, khai thác trên mạng lưới của VNPT, MobiFone, Viettel cũng như tập khách hàng 130 triệu tài khoản di động.

Theo Phó Chủ tịch của ví điện tử MoMo Nguyễn Bá Diệp, việc Chính phủ mới đây cho phép thử nghiệm mobile money là đột phá về mặt thể chế đối với thanh toán điện tử. Về bản chất, mobile money là một ví điện tử, sẽ giúp tiếp cận được những khách hàng thu nhập thấp, nhất là ở các khu vực vùng sâu, vùng xa, đồng thời gần như không có rào cản kỹ thuật khi người dân muốn sử dụng thanh toán điện tử.

Tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, Bộ Tài chính cũng lần đầu tiên đã cho phép thực hiện nộp thuế thông qua các phương tiện trung gian thanh toán, trong đó có ví điện tử, bên cạnh hình thức truyền thống là chuyển khoản qua ngân hàng. Ông Nguyễn Bá Diệp đánh giá rất cao bước đi này và mong muốn có thêm các thay đổi theo hướng cởi mở tương tự tại các lĩnh vực khác.

Mặc dù vậy, theo các chuyên gia do ví điện tử và ngân hàng ở Việt Nam rất phát triển nên mobile-money sẽ chỉ giúp tạo thêm một kênh thanh toán, giao dịch trong hệ sinh thái không dùng tiền mặt và khó có thể đòi hỏi tạo sự đột phá như ở Kenya hay Châu Phi trước đây.

Theo các chuyên gia, trước đây, việc chuyển đổi số gần như chỉ dành cho các doanh nghiệp lớn, có kinh phí và nhân sự, tuy nhiên vào thời điểm hiện nay, những tiểu thương hay doanh nghiệp vừa và nhỏ đều có thể dễ dàng tham gia vào quá trình chuyển đổi số thông qua việc sử dụng giải pháp của một bên thứ 3 như các giải pháp ví điện tử. Các đơn vị này đã xây dựng và cung cấp giải pháp bán lẻ dành cho doanh nghiệp nhỏ, tiểu thương, giúp họ có thể trở thành điểm chấp nhận thanh toán, hay cung cấp dịch vụ, hàng hóa ngay trên các ứng dụng.

**Kỳ 3: Ngân hàng số và những vướng mắc cần giải quyết**

Chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng mang lại nhiều cơ hội, nhưng cũng đồng thời đặt ra nhiều vướng mắc cần giải quyết về công nghệ và pháp lý, từ phía các ngân hàng và phía người sử dụng.

Theo các ngân hàng, thời gian vừa qua, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có nhiều nỗ lực cải cách thể chế nhằm thúc đẩy chuyển đổi số. Chính phủ đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ chuyển đổi số như định hướng xây dựng xã hội thanh toán không dùng tiền mặt, cho phép thí điểm mobile money... Đặc biệt, bước đột phá đã được tạo ra khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép triển khai mở tài khoản thanh toán của cá nhân bằng phương thức điện tử (eKYC) theo Thông tư số 16/2020/TT-NHNN.

Nhiều ý kiến cho rằng thể chế cho chuyển đổi số ngành ngân hàng về cơ bản đáp ứng sự phát triển của xã hội và xu hướng không dùng tiền mặt.

“Tuy nhiên, sự cải cách về thể chế hiện nay đôi khi còn thuận theo xu hướng thị trường trong ngắn hạn vì mới tập trung nhiều ở mảng thanh toán. Trong khi đó, để đáp ứng sự phát triển dài hạn của ngành ngân hàng và công nghệ tài chính, chúng ta còn thiếu những cơ chế thử nghiệm pháp lý (sandbox) để giúp việc triển khai các công nghệ mới có được sự hỗ trợ và khuôn khổ pháp lý ngay từ ban đầu”, ông Nguyễn Hưng, Tổng Giám đốc TPBank nhận định.

**Nhiều quy định cần tiếp tục hoàn thiện**

Các ngân hàng cũng cho rằng, hành lang pháp lý, chính sách cần tiếp tục được hoàn thiện, trong đó, điều tiên quyết là đẩy nhanh quá trình xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh cá nhân và đồng thời cho phép chia sẻ, kết nối mở với các ngành dịch vụ như ngân hàng, viễn thông, bảo hiểm...

“Dù áp dụng các công nghệ hiện đại, thì các giải pháp của Vietinbank không thể bảo đảm 100% chính xác rằng các giấy tờ tùy thân mà khách hàng cung cấp online là thật, do đó, tất cả các ngân hàng đều mong chờ hệ thống dữ liệu dân cư quốc gia để xác thực một cách chính xác nhất”, Phó Tổng Giám đốc Vietinbank Trần Công Quỳnh Lâm chia sẻ.

Đại diện các ngân hàng cũng đề nghị các cơ quan chức năng ban hành dự thảo về đại lý ủy thác (agent banking) cho phép ngân hàng phát triển các điểm dịch vụ (khi ngân hàng không được mở nhiều chi nhánh/phòng giao dịch).

Cùng đó, cần đẩy nhanh tốc độ xây dựng quy định về bảo vệ dữ liệu người dùng, định danh số, xây dựng một liên minh eKYC. Hoàn thiện quy định bảo mật giao dịch, an ninh thông tin, quy định chi tiết về chữ ký điện tử, chứng thư điện tử, giao dịch điện tử cho phù hợp với thông lệ quốc tế...

Một nội dung rất quan trọng là việc cho phép triển khai cơ chế Sandbox - cơ chế thử nghiệm chính sách áp dụng cho việc ứng dụng công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới tại Việt Nam. Việc cho phép các ngân hàng trong quá trình chuyển đổi số có những ngoại lệ nhất định trong việc đáp ứng các chỉ tiêu an toàn, hiệu quả theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ giúp ngân hàng mạnh dạn nghiên cứu và thử nghiệm những cái mới.

Theo Giám đốc Khối ngân hàng số của Ngân hàng Bru điện Liên Việt Dương Trọng Chử, so với một số quốc gia trong khu vực, tốc độ chuyển đổi số của Việt Nam tương đối nhanh, tuy nhiên Việt Nam vẫn chưa phải là một ví dụ điển hình về quốc gia có tốc độ chuyển đổi số nhanh trên thế giới. Việt Nam có lượng dân số trẻ, linh hoạt và dễ dàng chấp nhận mô hình chuyển đổi số, nhưng chúng ta lại gặp một số rào cản nhất định.

Thứ nhất, phải kể đến thói quen sử dụng tiền mặt của người dân Việt Nam quá lớn. Thứ hai, người dân Việt Nam thường có xu hướng tin tưởng những điểm giao dịch vật lý hơn là mô hình ngân hàng số không có chi nhánh/phòng giao dịch.

Thứ ba, chính sách gần như chưa có quy định bắt buộc đối với chuyển đổi số, mới chỉ dừng lại ở việc khuyến khích. Việt Nam là thị trường ham học hỏi nhưng mất khá nhiều thời gian trong việc triển khai do hành lang pháp lý chậm hơn sự phát triển của các mô hình kinh doanh.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, các cuộc tấn công mạng lớn là một quan ngại hàng đầu trong ngắn hạn và các tổ chức phải đối mặt với những lựa chọn đánh đổi quan trọng trong việc cải thiện sức bền và khả năng chống đỡ trong môi trường mạng. Theo đánh giá từ kết quả khảo sát của Oliver Wyman, các cuộc tấn công mạng được lãnh đạo các doanh nghiệp tại những nền kinh tế phát triển đánh giá là rủi ro toàn cầu số 1 trong việc triển khai các hoạt động kinh doanh.

Giám đốc Chiến lược của Công ty An ninh mạng Viettel Nguyễn Xuân Nam khẳng định, các vấn đề công nghệ liên quan tới chuyển đổi số ngân hàng hiện đã tương đối bảo đảm an toàn, thậm chí có thể bắt kịp các công nghệ trên thế giới, tất nhiên vẫn cần cải thiện để tốt hơn nữa, nhưng người dân không nên quá lo lắng. Chẳng hạn, các ứng dụng mobile banking hiện nay đều được ứng dụng các công nghệ mới chống khai thác mã nguồn và không cho phép cài đặt trên các điện thoại không bảo đảm an toàn.

Tuy nhiên, theo ông Nam, một vấn đề đặt ra là hành lang pháp lý liên quan đến dữ liệu người dùng chưa thật chặt chẽ, chẳng hạn các quy định về lộ lọt thông tin, đánh cắp dữ liệu cá nhân, như vừa qua đã có một số vụ việc sử dụng dữ liệu mà chưa cho phép của chủ thể để đăng ký thẻ tín dụng hoặc các khoản vay... Cá nhân ông Nam cũng cho biết đã từng mở thẻ tại một ngân hàng A thì hôm sau đã có ngân hàng B có gọi điện hỏi, nghĩa là việc lộ lọt thông tin khách hàng là chuyện khá phổ biến.

Tuy nhiên, theo ông Nam, ở khía cạnh người tiêu dùng, điều quan trọng nhất không phải nằm ở công nghệ hay pháp lý, mà là vấn đề nhận thức của người tiêu dùng về an toàn an ninh thông tin, hiện còn tương đối yếu. Đã có rất nhiều việc đánh cắp thông tin cá nhân, đánh cắp tài khoản hoàn toàn không phải do công nghệ hay pháp lý, mà do sự bất cẩn của người dùng. Do đó, mỗi người dân phải chủ động tìm hiểu các kỹ năng cơ bản về an toàn trên không gian mạng, cùng với việc các cơ quan nhà nước đồng hành cùng các doanh nghiệp trong truyền thông nâng cao nhận thức cho người dân.

### **Cần nhắc giữa rủi ro và lợi ích**

Ông Nguyễn Bá Diệp, Phó Chủ tịch ví điện tử MoMo cho rằng, một mô hình số hóa, đổi mới sáng tạo không thể hoạt động được dựa trên những quy định cũ, nặng về quản lý, không có tính thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Một ví dụ đơn giản, thay vì các bên đến gặp mặt để ký kết

hợp đồng, chúng ta sẽ dùng chữ ký số (e-signature), ký trên một hợp đồng số (e-contract), xuất ra các chứng từ số (e-invoice), thanh toán bằng tiền số (e-money) và giao dịch được thực hiện toàn bộ trên các nền tảng số hóa (digital platform).

Do đó, cần những quy định về luật pháp để tạo ra chữ ký số, để xác định (KYC) được danh tính người ký, tính chính danh và được pháp luật bảo vệ của hợp đồng số, các quy định thanh toán bằng tiền điện tử, quản lý mua bán trên nền tảng số và chấp nhận chứng từ số.

“Để đáp ứng được việc chuyển đổi số một cách toàn diện thì cơ cấu pháp luật cũng phải có những thay đổi về lượng và chất. Tuy nhiên, việc này cần nhiều thời gian để các đơn vị quản lý nhà nước cân nhắc giữa rủi ro và lợi ích, đây cũng là xu hướng chung đang xảy ra trên toàn thế giới vì trên thực tế không có một cơ chế pháp luật nào có thể thích ứng toàn diện với các thay đổi mang tính cách mạng do công nghệ tạo ra hiện nay”, ông Diệp nói.

Một luật sư đang phụ trách quản trị một ngân hàng thương mại lớn của Việt Nam cho rằng, về cơ bản thể chế pháp lý hiện nay vẫn thiên về giao dịch giấy, giao dịch tiền mặt. Có hàng loạt ví dụ cho vấn đề này, như vẫn chưa có một định nghĩa thống nhất về tài sản số và khi xảy ra tranh chấp hoặc vi phạm hành chính, vi phạm hình sự, sẽ có rất nhiều vướng mắc như định nghĩa bằng chứng, chứng cứ, hợp đồng điện tử trong lĩnh vực giao dịch điện tử, giao dịch số, chúng ta hiểu thế nào là tính toàn vẹn, tính nguyên gốc của chứng cứ số? Một ví dụ khác, khi một người qua đời để lại một lượng Bitcoin mà không có người thừa kế, cũng không để lại mật khẩu ví chứa Bitcoin, thì “tài sản vô chủ” này sẽ được xử lý ra sao?

Trong số nhiều vấn đề đặt ra với chuyển đổi số ngân hàng, vị luật sư này cho rằng, hiện các giao dịch ngân hàng có thể thực hiện gần như toàn bộ qua phương thức điện tử, nhưng vẫn dựa trên cơ sở của một “bản giấy” đầu tiên mà người sử dụng giao kết với ngân hàng. Tuy nhiên, câu chuyện có thể sẽ rất khác nếu toàn bộ quy trình được thực hiện hoàn toàn qua phương thức điện tử.

“Khi chụp ảnh giấy tờ tùy thân hay ảnh người sử dụng, ngân hàng lấy dữ liệu nào để xác nhận chắc chắn về danh tính người đó?”, vị này đặt vấn đề. Đồng tình với ý kiến của Vietinbank, luật sư này nhấn mạnh, việc xây dựng một cơ sở dữ liệu dùng chung, liên thông có vai trò vô cùng quan trọng để giảm bớt công sức, chi phí cho toàn bộ các chủ thể trong xã hội, trong đó có các ngân hàng.

Tất cả những vấn đề pháp lý hiện nay đặt ra không ít rủi ro cho các dịch vụ tài chính, ngân hàng trên nền tảng công nghệ. Do đó, vị luật sư cũng kiến nghị sửa đổi Luật Các tổ chức tín dụng cho phù hợp với thực tiễn hơn, đồng thời sớm cho phép áp dụng cơ chế khung thử nghiệm (sandbox) cho các dịch vụ này.

#### **Kỳ 4: Cần hoàn thiện các quy định pháp luật trong kinh tế số**

Trước những vướng mắc về mặt thể chế, chính sách nói chung và cho ngân hàng số nói riêng, nhiều đề xuất, kiến nghị đã được nêu ra, trong đó một giải pháp rất được kỳ vọng là cơ chế thử nghiệm chính sách (regulatory sandbox).

Chương trình “Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” của Chính phủ đã nhấn mạnh, thể chế cần đi trước một bước khi có thể. Chính phủ kiến tạo thể

chế, chính sách nhằm sẵn sàng chấp nhận và thử nghiệm cái mới một cách có kiểm soát; hình thành văn hóa chấp nhận và thử nghiệm cái mới; làm điêm, làm nhanh, sau đó đánh giá và nhân rộng; thúc đẩy phát triển công nghiệp sáng tạo.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính mới đây cũng đã nhiều lần nhấn mạnh, cần tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, xã hội số; đẩy mạnh việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách để huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực phục vụ phát triển đất nước. Những vấn đề đã “chín”, đã rõ, được thực tiễn chứng minh là đúng, thực hiện có hiệu quả, được đa số đồng tình thì tiếp tục thực hiện; những vấn đề chưa có quy định hoặc vượt quy định thì mạnh dạn thí điêm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, mở rộng dần, không cầu toàn, không nóng vội.

### **Còn nhiều vướng mắc cho kinh tế số**

Theo Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), việc hoàn thiện các quy định pháp luật trong lĩnh vực kinh tế số là một trong những trọng tâm chính sách của Chính phủ trong giai đoạn hiện nay.

Trong một báo cáo mới đây, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chỉ ra hàng loạt vướng mắc liên quan tới kinh tế số, mà trước hết là về sở hữu trí tuệ. Theo cơ quan này, pháp luật sở hữu trí tuệ của Việt Nam đã ghi nhận và bảo hộ nhiều loại tài sản trí tuệ, như quyền tác giả và quyền liên quan đối với tác phẩm, phần mềm, hệ thống thông tin, sở hữu công nghiệp đối với bí mật kinh doanh. Tuy nhiên, một số vấn đề chưa được làm rõ gây nhiều khó khăn trên thực tiễn triển khai.

Ví dụ, khái niệm bí mật kinh doanh trong Luật Sở hữu trí tuệ vẫn còn rất chung chung và khó hiểu. Điều này dẫn đến các tranh cãi về việc dữ liệu có được coi là bí mật kinh doanh hay không và cần có cơ chế bảo hộ như thế nào. Trên thực tiễn, đã nảy sinh tình huống mất cắp dữ liệu nhưng các cơ quan nhà nước vẫn ngần ngại khi coi đây là loại tài sản trí tuệ cần được bảo vệ. Hiện nay, Luật Sở hữu trí tuệ đang trong giai đoạn rà soát, sửa đổi và việc ghi nhận, bảo hộ các loại tài sản trí tuệ trong kinh tế số cần được chú trọng.

Ngoài ra, vấn đề bảo vệ tài sản số trong các hợp đồng dân sự, lao động cũng là cản trở khá lớn đối với các doanh nghiệp đầu tư vào kinh tế số hoặc chuyển đổi số. Ví dụ, một ngân hàng thuê một bên cung cấp giải pháp công nghệ thông tin để có thể lập trình các website, phần mềm hoặc mua các gói phần mềm có sẵn để phục vụ việc chuyển đổi số. Trong quá trình đó, một số câu hỏi nảy sinh như dữ liệu, thông tin được tạo ra sẽ thuộc về đơn vị thuê dịch vụ hay đơn vị cung cấp dịch vụ chuyển đổi số, ai có quyền khai thác, sử dụng dữ liệu, thông tin đó?

Pháp luật hình sự cũng có thể được coi là một công cụ tốt để bảo vệ tài sản số, giúp các doanh nghiệp yên tâm đầu tư. Tuy nhiên, trên thực tế, dù các hành vi vi phạm diễn ra tương đối nhiều, nhưng số lượng các vụ việc bị xử lý lại hầu như không có. Các hành vi thường bị xử lý như chiếm đoạt tiền trong các tài khoản ngân hàng, thẻ tín dụng, lừa đảo trong thương mại điện tử và cung cấp phần mềm nghe lén, theo dõi điện thoại. Còn các hành vi xâm phạm dữ liệu, xâm phạm hệ thống thông tin vẫn chưa thấy có vụ việc nào bị xử lý.

Về bảo vệ dữ liệu người dùng, việc thực thi các quy định vẫn còn gặp nhiều khó khăn, cho dù Luật An toàn thông tin mạng đã dành hẳn một mục để quy định về vấn đề bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng internet. Điều đáng mừng là hiện nay, Bộ Công an đang trình Chính phủ đề xuất xây dựng Nghị định riêng về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Nghị định này được kỳ vọng sẽ là khung pháp lý toàn diện về vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân trên môi trường mạng hiện nay.

Cũng theo Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, cân bằng giữa việc bảo vệ và khai thác dữ liệu người dùng cũng là tranh luận chính sách trong quá trình soạn thảo các quy định pháp luật liên quan. Pháp luật Việt Nam đã có quy định cấm các hành vi mua bán dữ liệu người dùng, được thực thi bằng cả các biện pháp dân sự, hành chính và hình sự. Tuy nhiên, việc coi dữ liệu cá nhân là bí mật kinh doanh, một dạng tài sản trí tuệ được bảo hộ theo pháp luật về sở hữu trí tuệ thì chưa rõ ràng.

Theo Ban Pháp chế của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, vấn đề các nền tảng phải cung cấp thông tin người dùng cho cơ quan nhà nước cũng là một tranh luận chính sách quan trọng, nhưng dường như lại chưa được làm rõ trong các quy định pháp luật. Cơ quan này cho rằng, vấn đề cung cấp thông tin người dùng theo yêu cầu của cơ quan nhà nước cần đạt được sự cân bằng giữa một bên là bảo vệ quyền riêng tư của người dùng và quyền tài sản của doanh nghiệp, một bên là nhu cầu phòng chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác từ phía cơ quan quản lý nhà nước.

Hiện nay, vấn đề này chưa được giải quyết một cách rõ ràng trong các văn bản quy phạm. Một số văn bản như Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp cận theo hướng đề cao quyền riêng tư. Tuy nhiên, rất nhiều văn bản khác lại đề cao việc quản lý nhà nước và yêu cầu cung cấp thông tin rất rộng.

### **Kỳ vọng mở đường cho nhiều mô hình**

Để giải quyết thực trạng nhiều mô hình kinh doanh dịch vụ trên nền tảng kinh tế số phát triển quá nhanh, mà các cơ quan quản lý không theo kịp để đưa ra biện pháp phù hợp, nhiều quốc gia đã đưa ra cơ chế thử nghiệm chính sách (regulatory sandbox). Hiện, các cơ quan ban hành chính sách của Việt Nam cũng đã bắt đầu có ý tưởng đưa ra một cơ chế tương tự, trước mắt dành cho dịch vụ công nghệ tài chính (fintech).

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cho rằng, nhiều hoạt động trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính hiện thuộc diện bị cấm hoặc phải đáp ứng các điều kiện rất cao thì mới được thực hiện. Các quy định hiện hành này không phù hợp với mô hình kinh doanh mới với ứng dụng của mạng internet và công nghệ thông tin. Mặc dù vậy, nếu yêu cầu các cơ quan nhà nước phải đưa ra quy định dành cho mô hình kinh doanh mới luôn thì các cơ quan chưa thể làm ngay được.

“Để giải quyết mâu thuẫn này thì cơ chế thử nghiệm là một giải pháp. Nguyên lý cơ bản của cơ chế này là Nhà nước tôn trọng quyền kinh doanh của doanh nghiệp, nhưng cần kiểm soát các nguy cơ gây ảnh hưởng đến lợi ích công cộng. Do đó, thay vì cơ quan nhà nước đưa ra các quy định, các biện pháp bắt buộc doanh nghiệp phải thực hiện để bảo vệ lợi ích công

cộng, thì chính các doanh nghiệp đề xuất các biện pháp này”, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam nhận định.

Theo giải pháp này, các doanh nghiệp sẽ chuẩn bị một đề án đề xin phép cơ quan nhà nước. Đề án đó sẽ trình bày kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp, các vấn đề pháp lý ảnh hưởng đến dự định kinh doanh đó, và các biện pháp do doanh nghiệp đề xuất để có thể bảo vệ các lợi ích công cộng trong lĩnh vực tài chính như chống lừa đảo, rửa tiền, chiếm đoạt tài sản. Các cơ quan nhà nước sẽ thẩm định và xem xét chấp thuận phương án kinh doanh cùng với các biện pháp bảo vệ lợi ích công cộng đi kèm.

Đề án này được dự kiến là sẽ mở đường cho một số hoạt động tài chính hiện nay như cho vay ngang hàng, xác thực người dùng điện tử, tiền mã hoá và có thể thêm nhiều mô hình khác.

### **Sớm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý**

Vụ trưởng Vụ Thanh toán của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Phạm Tiến Dũng thừa nhận, bên cạnh những cơ hội, chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng cũng đặt ra một số vấn đề đòi hỏi cần tiếp tục có sự nghiên cứu để hoàn thiện về khuôn khổ pháp lý, nhất là khuôn khổ pháp lý về giao dịch điện tử, chữ ký điện tử, hợp đồng điện tử, định danh và xác thực điện tử, cơ chế quản lý, giám sát đối với các công ty fintech... cũng như việc đảm bảo an toàn, bảo mật trước xu hướng gia tăng của các loại tội phạm trên môi trường mạng với nhiều thủ đoạn ngày càng tinh vi, phức tạp.

Để tiếp tục thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong ngành ngân hàng, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách, khung khổ pháp lý trong hoạt động ngân hàng thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo thuận lợi và thúc đẩy các mô hình kinh doanh, quản trị điều hành trong lĩnh vực ngân hàng theo hướng bứt phá, đổi mới, sáng tạo nhưng vẫn chú trọng tới công tác đảm bảo an ninh mạng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng nhằm hạn chế những rủi ro, thách thức.

Cùng với đó, cần tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền, giáo dục tài chính, nâng cao nhận thức, hiểu biết cho người dân về ứng dụng kỹ thuật số và những lưu ý để phòng, tránh rủi ro khi thực hiện giao dịch trên môi trường điện tử.

Cũng như kiến nghị của nhiều chuyên gia và lãnh đạo của một số ngân hàng, ông Phạm Tiến Dũng cho rằng, cần sớm hoàn thành việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, có cơ chế cho phép chia sẻ thông tin từ cơ sở dữ liệu này với một số ngành dịch vụ như ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông để thúc đẩy chuyển đổi số trong nền kinh tế, cho phép cung cấp dịch vụ số nhanh chóng, an toàn, thuận tiện, chi phí thấp tới đông đảo người dân, doanh nghiệp.

Đồng thời, sớm xây dựng hành lang pháp lý về bảo vệ dữ liệu, bảo vệ quyền riêng tư dữ liệu người dùng nhằm tạo dựng môi trường giao dịch số an ninh, an toàn, bảo vệ người tiêu dùng, thúc đẩy lòng tin của công chúng đối với thực hiện giao dịch số, sử dụng dịch vụ số.

Cùng với đó, cần hoàn thành Nghị định về định danh và xác thực điện tử nhằm tạo thuận lợi hơn nữa cho các giao dịch điện tử, dịch vụ số, qua đó tăng cường hỗ trợ các hoạt động của kinh tế số.



Một vấn đề khác là đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu xây dựng Luật Giao dịch điện tử thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung Luật Giao dịch điện tử năm 2005 để tạo cơ sở pháp lý cho các Bộ, ngành hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan, giúp đẩy mạnh số hóa, ứng dụng kỹ thuật số, tạo môi trường giao dịch thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp qua kênh số, phương thức điện tử.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## QUY ĐỊNH MỚI VỀ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP NGÀNH CÔNG THƯƠNG

Bổ sung phạm vi giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương, bổ sung quy định về cấp mới, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp... là những điểm mới tại Thông tư số 01/2021/TT-BCT do Bộ Công Thương mới ban hành sửa đổi, bổ sung Thông tư số 30/2016/TT-BCT quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương.

Bộ Công Thương cho biết, ngày 10/6/2020, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021. Trong đó, có nhiều quy định thay đổi về: Hồ sơ bổ nhiệm giám định viên tư pháp; Việc cấp thẻ giám định viên tư pháp; Thẩm quyền, trình tự, thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp...

Do vậy, để triển khai thi hành một cách đồng bộ, toàn diện và hiệu quả pháp luật về giám định tư pháp, việc xây dựng và ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương là hết sức cần thiết.

Cụ thể, Thông tư số 01 bổ sung quy định về “Phạm vi giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương”. Theo đó, giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương gồm giám định tư pháp về các vấn đề chuyên môn thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương theo quy định của pháp luật trong các lĩnh vực: 1. Năng lượng; 2. Hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp; 3. Công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ; 4. An toàn kỹ thuật công nghiệp; 5. An toàn thực phẩm; 6. Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; 7. Thương mại điện tử; 8. Quản lý thị trường; 9. Cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; 10. Xúc tiến thương mại; 11. Các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

Về việc cấp mới, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp, Thông tư nêu rõ: Việc cấp mới, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp được thực hiện đồng thời với việc bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp.

Mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp thực hiện theo quy định của Thông tư số 11/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp.

Thời hạn giám định tư pháp: Tối đa 09 ngày đối với trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định quy định tại khoản 5 Điều 206 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tối đa một tháng đối với trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định quy định tại khoản 6 Điều 206 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015...

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2021.

*Nguồn: baochinhpvu.vn*

## BỘ NỘI VỤ: BAN HÀNH KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ SỐ VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG NĂM 2021

Ngày 23/4/2021, Bộ Nội vụ đã ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2021 của Bộ Nội vụ.

Theo đó, với mục tiêu đảm bảo cung cấp đầy đủ 100% các dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Nội vụ ở mức độ 3, 4 và được tích hợp lên Cổng dịch vụ công Quốc gia; đẩy mạnh tỷ lệ thủ tục hành chính có phát sinh hồ sơ trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính trực tuyến mức 3, 4 và tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến tăng gấp đôi so với các năm trước đó.

100% các văn bản đi, đến (trừ văn bản mật) đều được xử lý trên môi trường mạng, dự thảo văn bản được sử dụng theo quy trình khép kín, các văn bản gửi/nhận đều được ký số cơ quan và ký số cá nhân lãnh đạo, góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý và điều hành.

Tái cấu trúc các quy trình, thủ tục hành chính nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ. Tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đúng tiến độ đề án “Lưu trữ tài liệu điện tử” của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020 - 2025 theo Quyết định số 458/QĐTTg ngày 03/04/2020 của Thủ tướng Chính phủ nhằm quản lý thống nhất, bảo quản an toàn và tổ chức sử dụng có hiệu quả tài liệu lưu trữ điện tử hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Đồng thời, thực hiện xây dựng và triển khai cấp thẻ công chức điện tử đa năng tới cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan nhà nước đảm bảo đồng bộ, thống nhất trên phạm vi toàn quốc, từng bước hình thành đội ngũ “Công chức điện tử” phục vụ người dân, doanh nghiệp (số) trên nền tảng của công nghệ 4.0, qua đó kiến tạo, thúc đẩy phát triển kinh tế số trong điều kiện Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế.

Ngoài ra, tổ chức triển khai, khai thác vận hành Đề án cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Nội vụ 2, kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan và các cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành, địa phương.

Phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trên quy mô quốc gia, tạo lập môi trường chia sẻ thông tin qua mạng rộng khắp giữa các cơ quan trên cơ sở Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam. Đảm bảo an toàn, an ninh và bảo mật tuyệt đối cho Hệ thống thông tin điện tử của Bộ Nội vụ.

Đến năm 2025, hoàn thành chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện đối với các lĩnh vực hoạt động của Bộ Nội vụ

Để thực hiện được các mục tiêu đề ra, Kế hoạch đặt ra 7 nhiệm vụ:

Thứ nhất, hoàn thiện môi trường pháp lý, xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn nghiệp vụ lưu trữ điện tử; các đề án, dự án về lưu trữ tài liệu điện tử: Tham mưu cho Bộ Nội vụ trình Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi Luật Lưu trữ năm 2011 đáp ứng yêu cầu quản lý tài liệu lưu trữ điện tử, hoàn thành năm 2021; Xây dựng dự thảo Thông tư Quy định về tiêu chuẩn Kho lưu trữ số và các quy trình nghiệp vụ Lưu trữ tài liệu điện tử trình Bộ Nội vụ ban hành hoàn thành năm 2021; Xây dựng tiêu chuẩn vị trí việc làm của cơ quan quản lý nhà nước ngành lưu trữ; đơn vị sự nghiệp lưu trữ; bộ phận văn thư, lưu trữ tại các cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu thực hiện nghiệp vụ lưu trữ điện tử, hoàn thành năm 2021; Xây dựng, ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn về ứng dụng công nghệ thông tin trong Bộ và trong ngành Nội vụ trên cơ sở các quy định của Chính phủ và Xây dựng và ban hành các quy chế, quy định về quản lý, vận hành các hệ thống công nghệ thông tin tại Bộ Nội vụ.

Thứ hai, phát triển hạ tầng kỹ thuật, mục tiêu là kế thừa và tiếp tục hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin sẵn có, các Trung tâm dữ liệu của Bộ theo mô hình quản lý tập trung, sử dụng giải pháp công nghệ ảo hóa, điện toán đám mây, dữ liệu lớn (Big Data)...; xây dựng mạng diện rộng kết nối giữa Bộ Nội vụ và các đơn vị trực thuộc Bộ; giữa Bộ Nội vụ với các địa phương. Nâng cấp, trang bị thêm máy chủ mới, nâng cấp các thiết bị trong Trung tâm tích hợp dữ liệu của Bộ, cài đặt các phần mềm hệ thống mới, các phần mềm đảm bảo an toàn thông tin cho các máy chủ tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của Bộ; trang bị thiết bị cho trung tâm dữ liệu (Data Center) của Bộ phục vụ cho hệ thống VOFFICE và Một cửa điện tử đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của Bộ.

Nâng cấp đường truyền, mua mới máy tính, máy in, sửa chữa và bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức trong Bộ Nội vụ được trang bị máy vi tính cấu hình phù hợp có kết nối đường truyền Internet tốc độ cao; ứng dụng chữ ký số để trao đổi thông tin với các cơ quan bên ngoài Bộ.

Hạ tầng đảm bảo an toàn, an ninh thông tin: trang bị thêm máy chủ và các thiết bị khác, nâng cấp mạng cục bộ được bảo vệ bởi hệ thống tường lửa, hệ thống phát hiện, phòng và chống truy cập trái phép; về hệ thống thư điện tử được trang bị phần mềm quét virus, lọc thư rác: Thiết bị Fortinet FortiMail 400E; duy trì việc mua sắm các phần mềm diệt virus cho hệ thống máy chủ và máy trạm của Bộ; đảm bảo kỹ thuật và công nghệ về hạ tầng công nghệ thông tin khi kết nối hệ thống thông tin của Bộ Nội vụ vào mạng Quốc gia theo mô hình thống nhất.

Cung cấp các hạ tầng tri thức, tính toán, xử lý, khai phá dữ liệu... gắn với bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng phục vụ xây dựng Chính phủ điện tử ngành Nội vụ.

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Nội vụ và các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan và các cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành, địa phương giai đoạn 2021 - 2025. Xây dựng đề án Trung tâm Giám sát an toàn thông tin (SOC) của Bộ Nội vụ. Duy trì vận hành, mở rộng hạ tầng, đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ theo lộ trình.

Xây dựng Cloud nội bộ kết hợp Hybrid Cloud và bổ sung, nâng cấp hạ tầng mạng, bảo mật của Trung tâm tích hợp dữ liệu đáp ứng nhu cầu phát triển dữ liệu theo xu hướng tích hợp, chia sẻ; dịch chuyển các hệ thống hạ tầng thông tin sang vận hành trên nền tảng Cloud, cung cấp kết nối, chia sẻ dữ liệu cho tất cả các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ và ngành Nội vụ. Dịch chuyển hạ tầng máy chủ, lưu trữ sang công nghệ ảo hóa để tiết kiệm tài nguyên phần cứng và làm nền tảng xây dựng Cloud nội bộ; xây dựng trực tích hợp dữ liệu (LGSP) của Bộ Nội vụ, thực hiện kết nối liên thông, đồng bộ, chia sẻ các dịch vụ dùng chung, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Nội vụ phiên bản 2.0.

Thứ ba, phát triển hệ thống nền tảng, phát triển các hệ thống nền tảng cho phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ Nội vụ: xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin một cửa điện tử, kết nối, tích hợp chia sẻ dữ liệu với Cổng dịch vụ công quốc gia thông qua cơ chế đăng nhập một lần từ Cổng dịch vụ công quốc gia; xây dựng Cổng dịch vụ công của Bộ và kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia; xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành do Bộ cung cấp, kết nối liên thông, chia sẻ với Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công của Bộ, Cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ người dân, doanh nghiệp và tổ chức; triển khai xây dựng Trục liên thông văn bản nội bộ của Bộ Nội vụ, kết nối, liên thông gửi nhận văn bản điện tử với Trục liên thông văn bản quốc gia; phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai xây dựng nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của Bộ Nội vụ (LGSP) kết nối, liên thông với NGSP; triển khai Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (e-cabinet);

Phát triển các hệ thống nền tảng đặc thù, dùng chung cho các ứng dụng của lĩnh vực: Tôn giáo; Văn thư - Lưu trữ; Cải cách hành chính nhà nước; Thi đua - Khen thưởng.

Xây dựng khai thác vận hành hệ thống thông tin, báo cáo, Bộ, ngành và địa phương kết nối với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ; tiếp tục triển khai, đưa vào vận hành khai thác các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu có tính chất nền tảng, liên ngành, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành đáp ứng nhu cầu chuyên môn nghiệp vụ.

Thứ tư, phát triển các cơ sở dữ liệu, quản lý, vận hành duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan nhà nước tại Bộ Nội vụ.

Xây dựng, triển khai Đề án Thẻ Công chức điện tử với mục tiêu: thực hiện xây dựng và triển khai cấp thẻ công chức điện tử đa năng tới cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan nhà nước đảm bảo đồng bộ, thống nhất trên phạm vi toàn quốc; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý đối với công chức trong tình hình mới; gắn việc cấp thẻ công chức điện tử với việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước; kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia ở các lĩnh vực khác, góp phần vào quá trình cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử; thực hiện minh bạch hóa công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức, xây dựng một nền hành chính phục vụ, hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả; góp phần hình thành đội ngũ “Công chức điện tử” phục vụ người dân, doanh nghiệp (số) trên nền tảng của công nghệ 4.0, qua đó kiến tạo, thúc đẩy phát triển kinh tế số trong điều kiện Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế.

Xây dựng kế hoạch về chuyển đổi số của Bộ Nội vụ: đảm bảo việc triển khai thực hiện theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 phù hợp với điều kiện thực tiễn của Bộ Nội vụ nhằm phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số của Bộ, từng bước tạo lập dữ liệu mở dễ dàng truy cập và sử dụng; Tăng tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động, tiết kiệm thời gian; Mục tiêu đến năm 2025, hoàn thành chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện đối với các lĩnh vực hoạt động của Bộ Nội vụ; Mục tiêu đến năm 2030, đảm bảo kế thừa các mục tiêu đến năm 2025, hình thành nền tảng dữ liệu số của Bộ Nội vụ phục vụ việc kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính.

Xây dựng, triển khai các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Nội vụ (cơ sở dữ liệu Hội và tổ chức phi chính phủ; cơ sở dữ liệu thanh niên...); tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Thực hiện nhiệm vụ lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020 - 2025”; Xây dựng tiêu chuẩn vị trí việc làm của cơ quan quản lý nhà nước ngành lưu trữ; đơn vị sự nghiệp lưu trữ; bộ phận văn thư, lưu trữ tại các cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu thực hiện nghiệp vụ lưu trữ điện tử, hoàn thành năm 2021.

Xây dựng Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin để đánh giá, tiếp nhận ý kiến về kết quả cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030”; tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương triển khai và hoàn thiện xây dựng cơ sở dữ liệu về “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính”; xây dựng “Hệ thống thông tin quản lý công tác Hợp tác quốc tế của Bộ Nội vụ”.

Tạo lập bộ cơ sở dữ liệu về thi đua, khen thưởng trên toàn quốc, bao gồm cả các dữ liệu khen thưởng được lưu trữ từ trước đến nay, làm cơ sở cho việc khai thác, sử dụng các dữ liệu thi đua, khen thưởng phục vụ công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng trên môi trường internet; phối hợp với các địa phương cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu ngành tôn giáo: về chức sắc tôn giáo, cơ sở thờ tự tôn giáo. Trên cơ sở dữ liệu này sẽ triển khai xây dựng các bản đồ số hoá về tôn giáo; xây dựng các quy trình nghiệp vụ, các văn bản quy định cập nhật, khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu ngành tôn giáo, bảo mật, backup dữ liệu, quản lý hệ thống thư điện tử, trang thông tin điện tử; triển khai đề án tăng cường năng lực và cơ cấu tổ chức cho Trung tâm Thông tin của Bộ Nội vụ.

Tiếp tục duy trì và nâng cấp phần mềm báo cáo thống kê ngành Nội vụ theo lộ trình chỉnh lý, sửa đổi hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Nội vụ hằng năm; xây dựng hệ thống phần mềm xử lý thông tin điều tra cơ sở hành chính năm 2021; tiếp tục duy trì, vận hành, nâng cấp Phần mềm quản lý chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính (ParIndex); tiếp tục duy trì, vận hành, quản trị Bản tin điện tử cải cách hành chính của Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ; tiếp tục duy trì, vận hành, quản trị, nâng cấp website của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ: <http://caicachhanhchinh.gov.vn>; tiếp tục duy trì, vận hành, quản trị, nâng cấp Hệ thống bồi dưỡng trực tuyến nghiệp vụ (e-Learning) về cải cách hành chính cho công chức thực hiện cải cách hành chính các bộ, ngành, địa phương.

Thứ năm, phát triển các ứng dụng, dịch vụ, 100% các văn bản đi, đến (trừ văn bản mật) đều được xử lý trên môi trường mạng, dự thảo văn bản được sử dụng theo quy trình khép kín, các văn bản gửi/nhận đều được ký số cơ quan và ký số cá nhân lãnh đạo, góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý và điều hành.

Đẩy mạnh việc triển khai ứng dụng chữ ký số tại khối cơ quan Bộ và các đơn vị trực thuộc Bộ Nội vụ; sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số cho văn bản điện tử trao đổi trên hệ thống quản lý văn bản của Bộ; đảm bảo các điều kiện về kỹ thuật sẵn sàng để hồ sơ quản lý cán bộ, công chức các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ được quản lý bằng cơ sở dữ liệu điện tử.

Triển khai thực hiện Đề án “Thực hiện nhiệm vụ lưu trữ tài liệu lưu trữ điện tử của các cơ quan nhà nước”; tăng cường khai thác hiệu quả hạ tầng công nghệ thông tin hiện có; đầu tư nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của Bộ và của các đơn vị trực thuộc Bộ bảo đảm hiện đại, tiên tiến, đồng bộ; đảm bảo an toàn, an ninh và bảo mật tuyệt đối cho Hệ thống thông tin điện tử của Bộ Nội vụ và nâng cao trình độ, kiến thức về công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Bộ.

Thứ sáu, bảo đảm an toàn thông tin, thường xuyên rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung các Kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của Bộ; thường xuyên rà soát, cập nhật và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Rà soát hiện trạng, tăng cường đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp và hệ thống các cơ sở dữ liệu.

Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật; xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng; Cử cán bộ chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin, sự cố thông tin.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Bộ; tổ chức các chương trình diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế cho cán bộ chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin của Bộ.

Thứ bảy, phát triển nguồn nhân lực, trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự phát triển của khoa học kỹ thuật đòi hỏi những thay đổi trong công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Bộ. Do đó, cần đẩy mạnh các hoạt động về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về công nghệ thông tin cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin: Quản trị, vận hành, an toàn, an ninh và bảo mật ... cũng như việc đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng và khai thác ứng dụng công nghệ thông tin đối với cán bộ, công chức, viên chức Bộ Nội vụ.

Đào tạo kỹ năng số cho công chức, viên chức, người lao động của Bộ, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng các yêu cầu trong môi trường làm việc hiện đại, chủ động tiếp cận và bắt kịp với xu thế cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

Cử cán bộ chuyên trách/phụ trách về công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo nâng cao; nghiên cứu, đề xuất các phương án đào tạo, phát triển nguồn nhân lực tại chỗ; các cơ chế, chính sách thu hút, chính sách đãi ngộ trong việc tuyển dụng nhân lực chuyên ngành an toàn thông tin về các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của Bộ làm hạt nhân phát triển đội ngũ nhân lực an toàn thông tin tại chỗ.

*Nguồn: moha.gov.vn*

## **BỘ NỘI VỤ: BAN HÀNH KẾ HOẠCH RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI GIẢI QUYẾT CỦA BỘ NĂM 2021**

Ngày 23/4/2021, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký Quyết định số 545/QĐ-BNV ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính thuộc phạm vi giải quyết của Bộ Nội vụ năm 2021.

Theo Kế hoạch, với mục đích kịp thời phát hiện những quy định hành chính có nội dung không cần thiết, các thủ tục hành chính không còn phù hợp, không đáp ứng được các nguyên tắc về quy định thủ tục hành chính, để kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ thủ tục hành chính, quy định có liên quan nhằm tiết kiệm tối đa thời gian, chi phí cho cá nhân, tổ chức và cơ quan nhà nước; tăng cường thực hiện liên thông thủ tục hành chính.

Rà soát thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Nội vụ trên các lĩnh vực: Chính quyền địa phương; Tín ngưỡng - Tôn giáo, Thi đua - Khen thưởng (tổng số 77 thủ tục hành chính), tiến độ thực hiện bắt đầu từ ngày 01/5/2021, hoàn thành ngày 31/5/2021.

Ngoài các nội dung rà soát theo Kế hoạch này, các đơn vị có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức rà soát thủ tục hành chính thường xuyên theo quy định của pháp luật.

Kế hoạch yêu cầu, hoạt động rà soát, đánh giá thủ tục hành chính phải được thực hiện thường xuyên, có trọng tâm; bảo đảm thủ tục hành chính được thực hiện là cần thiết, hợp lý, hợp pháp với chi phí thực hiện thấp nhất, lợi ích đạt được cao nhất.

Báo cáo kết quả rà soát và đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính của các đơn vị gửi về Văn phòng Bộ phải có những kiến nghị cụ thể, thiết thực đối với thủ tục hành chính; Phải dự kiến nội dung cần bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế của thủ tục hành chính; mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu, điều kiện để thủ tục hành chính và phải kiến nghị cụ thể quy định, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ; việc tổ chức rà soát phải đúng phương pháp, cách thức rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo Quy định. Kết quả rà soát, đánh giá phải bảo đảm cải thiện thực chất chất lượng thủ tục hành chính để nâng cao chỉ số cải cách hành chính (Par-Index) của Bộ...

*Nguồn: moha.gov.vn*



## NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

### \* Bộ Chính trị:

Quyết định điều động, bổ nhiệm nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Phùng Xuân Nhạ giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Trung ương.

### \* Thủ tướng Chính phủ quyết định:

Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Vụ trưởng Vụ Quản lý các khu kinh tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bí thư Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã ký Quyết định số 11-QĐ/BCSĐCP phân công đồng chí Trần Văn Sơn, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ kiêm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Ban Cán sự Đảng Chính phủ.

### \* Tỉnh Phú Yên:

Ông Đào Mỹ, Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy Sông Cầu đã được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021.

*Nguồn: baohinhphu.vn*